

TRUNG A HÀM

PHẨM SONG



HT. THÍCH TUỆ SỸ dịch

TRUNG A HÀM

PHẨM SONG

182. Kinh Mã Ấp (1)

Tôi nghe như vậy.

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Ương-kị, cùng với đại chúng Tỳ-kheo. Ngài cùng với chúng Đại Tỳ-kheo đi đến Mã ấp, ngụ tại Mã lâm tự.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Người ta thấy các người, những Sa-môn, là Sa-môn. Nếu có ai hỏi các người, những Sa-môn, thì các người có tự xưng mình là Sa-môn chăng?”

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, có.”

Phật lại nói:

“Cho nên, các người chính vì lẽ đó, chính vì là Sa-môn, phải học pháp như thật Sa-môn, và pháp như thật Phạm chí. Sau khi đã học pháp như thật Sa-môn và pháp như thật Phạm chí, bây giờ mới là Sa-môn chân chánh, không phải là Sa-môn hư danh. Nếu có thọ nhận áo chăn, ẩm thực, giường chống, thuốc thang, và các thứ tư cụ sinh hoạt khác, những thứ cung cấp ấy được phước lớn, được kết quả lớn, được công đức lớn và được quả báo rộng rãi. Các người nên học như vậy.

“Thế nào là pháp như thật Sa-môn và pháp như thật Phạm chí?

“Thân hành thanh tịnh, chánh đại quang minh, khéo léo giữ gìn, không có tỳ vết. Nhân nơi thân hành thanh tịnh này mà vẫn không tự đề cao, không khinh chê người, không ô uế, không vẩn đục, được các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Nếu các người nghĩ rằng, ‘Ta thân hành thanh tịnh, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn gì phải làm thêm’, này Tỳ-kheo, Ta nói cho các người biết, không để các người mong cầu nghĩa của Sa-môn mà lạc mất nghĩa của Sa-môn.

“Nhu muốn cầu học tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân đã thanh tịnh lại phải làm những gì? Phải học khẩu hành thanh tịnh, chánh đại quang minh, khéo léo giữ gìn, không có tỳ vết. Nhân nơi khẩu hành thanh tịnh này mà vẫn không tự đề cao, không khinh chê người, không ô uế, không vẫn đục, được các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Nếu các thầy nghĩ rằng, ‘Ta thân, khẩu hành thanh tịnh, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn gì phải làm thêm’, này Tỳ-kheo, Ta nói cho các người biết, không để các người mong cầu nghĩa của Sa-môn mà lạc mất nghĩa của Sa-môn.

“Nhu muốn cầu tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân, khẩu đã thanh tịnh, lại phải làm những gì? Phải học ý hành thanh tịnh, chánh đại quang minh, khéo léo giữ gìn, không có tỳ vết. Nhân nơi ý hành thanh tịnh này mà vẫn không tự đề cao, không khinh chê người, không ô uế, không vẫn đục, được các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Nếu các người nghĩ rằng, ‘Ta thân, khẩu, ý hành thanh tịnh, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn gì phải làm thêm’, này Tỳ-kheo, Ta nói cho các người biết, không để các người mong cầu nghĩa của Sa-môn mà lạc mất nghĩa của Sa-môn.

“Nhu muốn cầu tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân, khẩu, ý đã thanh tịnh, lại phải làm những gì? Phải học mạng hành thanh tịnh, chánh đại quang minh, khéo léo giữ gìn, không có tỳ vết. Nhân nơi mạng hành thanh tịnh này mà vẫn không tự đề cao, không khinh chê người, không ô uế, không vẫn đục, được các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Nếu các người nghĩ rằng, ‘Ta thân, khẩu, ý, mạng hành thanh tịnh, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn gì phải làm thêm’, này Tỳ-kheo Ta nói cho các người biết, không để các người mong cầu nghĩa của Sa-môn mà lạc mất nghĩa của Sa-môn.

“Nhu muốn cầu học tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân, khẩu, ý, mạng đã thanh tịnh, lại phải làm những gì? Tỳ-kheo phải học thủ hộ các căn, thường niệm sự khép kín, niệm tưởng muốn mình đạt, thủ hộ niệm tâm mà được thành tựu, hằng muốn khởi ý. Khi mắt thấy sắc, không chấp thủ sắc tướng, không đắm sắc vị; vì sự phần tránh[06] mà thủ hộ căn con mắt, trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, vì thú hưởng đến kia[07], nên thủ hộ căn con mắt. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, khi ý biết

pháp không chấp thủ pháp tướng, không đắm pháp vị; vì sự phần tránh mà thủ hộ ý căn, trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, vì thú hưởng đến kia, nên thủ hộ ý căn. Nếu các người nghĩ rằng, 'Ta thân, khẩu, ý, mạng hành thanh tịnh, thủ hộ các căn, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn gì làm phải làm thêm', này Tỳ-kheo, Ta nói cho các người biết, không để các thầy mong cầu cứu cánh của Sa-môn mà lạc mất cứu cánh của Sa-môn.

"Nhu muốn cầu học tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân, khẩu, ý, mạng đã thanh tịnh, đã thủ hộ các căn, lại phải làm những gì? Tỳ-kheo phải học chánh tri khi ra, khi vào, khéo quán sát phân biệt; co duỗi, cúi ngước, nghi dung chứng chạc; khéo mang Tăng-già-lê và các y bát; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng hay im lặng... đều có chánh tri. Nếu các người nghĩ rằng, 'Ta thân, khẩu, ý, mạng hành thanh tịnh, thủ hộ các căn, có chánh tri khi ra, khi vào, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn gì phải làm thêm', này Tỳ-kheo, Ta nói cho các người biết, không để các người mong cầu nghĩa của Sa-môn mà lạc mất nghĩa của Sa-môn.

"Nhu muốn cầu học tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân, khẩu, ý, mạng đã thanh tịnh, đã thủ hộ các căn, đã biết rõ sự ra vào, lại phải làm những gì? Tỳ-kheo nên học sống cô độc tại nơi xa vắng, ở trong rừng vắng, dưới gốc cây, những nơi không nhàn yên tĩnh, sườn non, động đá, đất trống, lùm cây, hoặc vào trong rừng, hoặc giữa bãi tha ma. Vị ấy sau khi ở trong rừng vắng, hoặc dưới gốc cây, những nơi không nhàn yên tĩnh, trải ni-sư-đàn, ngồi kiết già, chánh thân chánh nguyện, hướng niệm nội tâm, đoạn trừ tâm tham lam, tâm không tranh cãi, thấy tài vật và các nhu dụng sinh sống của người khác mà không khởi lòng tham muốn, muốn khiến về mình. Vị ấy đối với sự tham lam, tâm đã tịnh trừ. Cũng vậy, sân nhuế, thù miên, trạo hối, đoạn nghi trừ hoặc, đối với các thiện pháp không có do dự. Vị ấy đối với sự nghi hoặc, tâm đã tịnh trừ. Vị ấy đã đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm ô uế, tuệ yếu kém, rời ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiên, thành tựu an trụ.

"Tỳ-kheo với định tâm như vậy, thanh tịnh, không ô uế, không phiền nhiệt, nhu nhuyến, khéo an trụ, chứng đắc tâm bất động, bèn hướng đến sự tác chứng Lộ tận trí thông. Vị ấy liền biết như thật rằng, 'Đây là Khổ', 'Đây là Khổ tập', 'Đây là Khổ

diệt', 'Đây là Khổ diệt đạo'. Cũng biết như thật 'Đây là Lậu', 'Đây là Lậu tập', 'Đây là Lậu diệt', 'Đây là Lậu diệt đạo'. Tỳ-kheo ấy đã biết như vậy, thấy như vậy rồi, tâm giải thoát dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Giải thoát rồi liền biết là mình đã giải thoát, biết như thật rằng 'Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Ta nói vị ấy là Sa-môn, là Phạm chí, là Thánh, là Tịnh dục.

"Thế nào gọi là "Sa-môn"? Là người đã đình chỉ các pháp ác bất thiện, các lậu ô uế, là gốc rễ của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh lão bệnh tử. Đó gọi là Sa-môn.

"Thế nào gọi là "Phạm chí"? Là người xa lìa các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế mà là gốc rễ của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh lão bệnh tử. Đó gọi là Phạm chí.

"Thế nào gọi là Thánh? Là người xa lìa các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, là gốc rễ của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh lão bệnh tử. Đó gọi là Thánh.

"Thế nào gọi là "Tịnh dục"? Là người đã tắm rửa sạch các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, là gốc rễ của hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh lão bệnh tử. Đó gọi là Tịnh dục. Đó gọi là Sa-môn, là Phạm chí, là Thánh, là tịnh dục."

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

183. Kinh Mã Ấp (2)

Tôi nghe như vậy.

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Ương-kị, cùng với đại chúng Tỳ-kheo. Ngài cùng với chúng Đại Tỳ-kheo đi đến Mã ấp, ngụ tại Mã lâm tự.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

"Người ta thấy các người, những Sa-môn, là Sa-môn. Nếu có ai hỏi các người, những Sa-môn, thì các người có tự xưng mình là Sa-môn chăng?"

Các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, có.”

Phật lại nói:

“Cho nên, các người chính vì lẽ đó, chính vì là Sa-môn, phải học đạo hạnh của Sa-môn, chớ đừng là phi Sa-môn. Sau khi đã học đạo hạnh của Sa-môn, bấy giờ mới là Sa-môn chân chánh, không phải là Sa-môn hư danh. Nếu có thọ nhận áo chăn, ẩm thực, giường chõng, thuốc thang, và các thứ tư cụ sinh hoạt khác, những thứ cung cấp ấy được phước lớn, được kết quả lớn, được công đức lớn và được quả báo rộng rãi. Các người nên học như vậy.

“Thế nào là không phải đạo hạnh của Sa-môn? Không phải là Sa-môn? Có tham lam, không dứt tham lam. Có nhuế, không dứt nhuế. Có sân, không bỏ sân. Có bất ngữ không dứt bất ngữ. Có kết không dứt kết. Có bòn sèn, không dứt bòn sèn. Có tật đồ, không dứt tật đồ. Có dua nịnh, không dứt dua nịnh. Có lường gạt, không dứt lường gạt. Có vô tà, không dứt vô tà. Có vô quý, không dứt vô quý. Có ác dục, không bỏ ác dục. Có tà kiến, không bỏ tà kiến. Đó gọi là sự cấu uế của Sa-môn, du siểm của Sa-môn, là trá ngụy của Sa-môn, sự cong vạy của Sa-môn, dẫn đến chỗ ác, vì chưa dứt sạch, nên sự học không phải là đạo tích của Sa-môn, không phải là Sa-môn.

“Cũng như cái búa mới rèn rất bén, đâu có mũi nhọn, được bọc trong Tăng-già-lê, Ta nói những người ngu si học đạo Sa-môn kia cũng như vậy, nghĩa là có tham lam, không dứt tham lam, có nhuế, không dứt nhuế, có sân, không bỏ sân, có bất ngữ không dứt bất ngữ, có kết không dứt kết, có bòn sèn, không dứt bòn sèn, có tật đồ, không dứt tật đồ, có dua nịnh, không dứt dua nịnh, có lường gạt, không dứt lường gạt, có vô tà, không dứt vô tà, có vô quý, không dứt vô quý, có ác dục, không bỏ ác dục, có tà kiến, không bỏ tà kiến; dù khoác Tăng-già-lê, Ta không nói đó là Sa-môn.

“Nếu ai chỉ cần đắp Tăng-già-lê mà có tham lam dứt tham lam, có nhuế dứt nhuế, có sân bỏ sân, có bất ngữ dứt bất ngữ, có kết dứt kết, có bòn sèn dứt bòn sèn, có tật đồ dứt tật đồ, có dua nịnh dứt dua nịnh, có lường gạt dứt lường gạt, có vô tà dứt vô tà, có vô quý dứt vô quý, có ác dục bỏ ác dục, có tà kiến bỏ tà kiến, thì bạn bè thân thiết của nó nên đến nói với nó rằng, ‘Này

Hiền nhân, hãy học khoác Tăng-già-lê. Này Hiền nhân, nếu học khoác Tăng-già-lê, thì có tham lam dứt tham lam, có nhuế dứt nhuế, có sân dứt sân, có bất ngữ dứt bất ngữ, có kết dứt kết, có bòn sèn dứt bòn sèn, có tật đồ dứt tật đồ, có dua nịnh dứt dua nịnh, có lường gạt dứt lường gạt, có vô tà dứt vô tà, có vô quý dứt vô quý, có ác dục bỏ ác dục, có tà kiến bỏ tà kiến’.

“Bởi vì Ta thấy người đắp Tăng-già-lê mà vẫn có tham lam, có nhuế, có sân, có bất ngữ, có kết, có bòn sèn, có tật đồ, có dua nịnh, có lường gạt, có vô tà, có vô quý, có ác dục, có tà kiến, cho nên người đắp Tăng-già-lê ấy Ta không nói nó là Sa-môn.

“Cũng như vậy, lỏa hình, bện tóc, ngồi, ăn một bữa, thường tung nước, thọ trì nước. Những Sa-môn có hạnh như vậy Ta nói không phải là Sa-môn. Nếu Sa-môn do thọ trì nước mà có tham lam dứt tham lam, có nhuế dứt nhuế, có sân bỏ sân, có bất ngữ dứt bất ngữ, có kết dứt kết, có bòn sèn dứt bòn sèn, có tật đồ dứt tật đồ, có dua nịnh dứt dua nịnh, có lường gạt dứt lường gạt, có vô tà dứt vô tà, có vô quý dứt vô quý, có ác dục bỏ ác dục, có tà kiến bỏ tà kiến; thì bạn bè thân thiết của nó nên đến bảo nó rằng: “Này bạn, bạn nên thọ trì nước, vì do thọ trì nước mà có tham lam dứt tham lam, có nhuế dứt nhuế, có sân bỏ sân, có bất ngữ dứt bất ngữ, có kết dứt kết, có bòn sèn dứt bòn sèn, có tật đồ dứt tật đồ, có dua nịnh dứt dua nịnh, có lường gạt dứt lường gạt, có vô tà dứt vô tà, có vô quý dứt vô quý, có ác dục bỏ ác dục, có tà kiến bỏ tà kiến’.

“Bởi vì Ta thấy có người thọ trì nước mà vẫn có tham lam, có nhuế, có sân, có bất ngữ, có kết, có bòn sèn, có tật đồ, có dua nịnh, có lường gạt, có vô tà, có vô quý, có ác dục, có tà kiến, cho nên người thọ trì nước ấy Ta nói không phải là Sa-môn. Đó gọi là không phải đạo hạnh của Sa-môn, không phải là Sa-môn.

“Thế nào gọi là đạo hạnh của Sa-môn? Chẳng phải chẳng là Sa-môn? Nếu có tham lam dứt tham lam, có nhuế dứt nhuế, có sân bỏ sân, có bất ngữ dứt bất ngữ, có kết dứt kết, có bòn sèn dứt bòn sèn, có tật đồ dứt tật đồ, có dua nịnh dứt dua nịnh, có lường gạt dứt lường gạt, có vô tà dứt vô tà, có vô quý dứt vô quý, có ác dục bỏ ác dục, có tà kiến bỏ tà kiến. Sự tật đồ ấy của Sa-môn, sự dua nịnh của Sa-môn, sự trá ngụy của Sa-môn, sự tà vạy của Sa-môn dẫn đến chỗ dữ đều đã bị dứt sạch, rồi học đạo

hạnh của Sa-môn. Vị ấy như vậy không phải không là Sa-môn. Đó là đạo hạnh của Sa-môn, không phải không là Sa-môn.

“Vị ấy như vậy thành tựu giới, thân thanh tịnh, miệng, ý thanh tịnh, không tham lam, trong tâm không có sân nhuế, không có thùy miên, không trạo cử kiêu ngạo, đoạn nghi trừ hoặc, chánh niệm chánh trí, không có ngu si. Tâm vị ấy câu hữu với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trú. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, phương trên, phương dưới và bốn phương bàng, khắp tất cả, tâm của vị ấy câu hữu với từ, không kết không oán, không nhuế không tranh, rất rộng lớn, khéo tu vô lượng, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú. Cũng vậy, tâm bi, tâm hỷ câu hữu với xả, không kết không oán, không nhuế, không tranh, rất rộng lớn, khéo tu vô lượng, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú.

“Vị ấy tự nghĩ: “Có thô, có diệu, có tướng, dẫn đến thượng xuất yếu, biết như thật. Sau khi biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu và vô minh lậu. Sau khi đã giải thoát, vị ấy biết như thật ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’.

“Cũng như cách làng nọ không xa, có ao tắm tốt, nước trong chảy tràn, cỏ xanh phủ bờ, cây hoa bốn phía. Giả sử có một người từ phương Đông đến, bị đói khát mệt mỏi, cởi áo bỏ trên bờ, xuống ao mặc sức tắm rửa sạch bụi nhơ, trừ khử nóng bức và khát. Phương Nam, phương Tây, phương Bắc cũng vậy, giả sử có một người từ các phương đó đến bị đói khát mệt mỏi, cởi áo bỏ trên bờ, xuống ao mặc sức tắm rửa sạch bụi nhơ, trừ khử nóng bức và khát. Cũng vậy, một thiện nam tử dòng Sát-đế-lợi, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thực hành nội tâm tĩnh chỉ, khiến được nội tâm tĩnh chỉ. Người với nội tâm tĩnh chỉ, Ta nói người ấy là Sa-môn, là Phạm chí, là Thánh, là Tịnh dục.

“Cũng vậy, một thiện nam tử dòng Phạm chí, Cư sĩ, Công sư, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thực hành nội tâm tĩnh chỉ, khiến được nội tâm tĩnh chỉ. Người với nội tâm tĩnh chỉ, Ta nói người ấy là Sa-môn, là Phạm chí, là Thánh, là Tịnh dục.

“Thế nào gọi là Sa-môn? Là người đã đình chỉ các pháp ác bất thiện, các lậu ô uế, là gốc rễ của sự hữu trong tương lai, là sự

phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh lão bệnh tử. Đó gọi là Sa-môn.

“Thế nào gọi là “Phạm chí”? Là người xa lìa các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế mà là gốc rễ của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh lão bệnh tử. Đó gọi là Phạm chí.

“Thế nào gọi là Thánh? Là người xa lìa các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, làm gốc rễ của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh lão bệnh tử. Đó gọi là Thánh.

“Thế nào gọi là “Tịnh dục”? Là người đã tắm rửa sạch các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, là gốc rễ của hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh lão bệnh tử. Đó gọi là Tịnh dục. Đó gọi là Sa-môn, là Phạm chí, là Thánh, là Tịnh dục.”

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

184. Kinh Ngưu Giác Sa La Lâm (1)

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa đến Bạt-kì-sầu, trong rừng Ngưu giác sa-la, cùng với số đông các Đại đệ tử Tỳ-kheo thượng tôn tri thức, như Tôn giả Xá-lê Tử, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Ly-việt-đa, Tôn giả A-nan. Các Tỳ-kheo Đại đệ tử là những vị thượng tôn tri thức như vậy cũng cùng đi đến Bạt-kì-sầu, trong rừng Ngưu giác sa-la, cùng ở gần bên ngôi nhà lá của Phật.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na-luật-đà, sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đi đến chỗ Tôn giả Xá-lê Tử. Tôn giả A-nan từ xa trông thấy các bậc Thượng tôn đã đi qua, bạch rằng:

“Hiền giả Ly-việt-đa, nên biết, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na-luật-đà, sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đi đến chỗ Tôn giả Xá-lê Tử. Hiền giả Ly-việt-đa, bây giờ chúng ta có thể cùng với các bậc

Thượng tôn đi đến chỗ Tôn giả Xá-lê Tử, hoặc giả có thể nhân cơ hội này mà được nghe pháp ít nhiều nơi Tôn giả Xá-lê Tử.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Ly-việt-đa, Tôn giả A-nan, sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đi đến chỗ Tôn giả Xá-lê Tử.

Tôn giả Xá-lê Tử sau khi từ xa thấy các vị Thượng tôn đi đến, Tôn giả Xá-lê Tử nhân các vị Thượng tôn ấy, nói rằng:

“Kính chào A-nan, kính chào A-nan! Người là thị giả của Thế Tôn, hiểu được ý nghĩa, thường được Đức Thế Tôn và các bậc trí tuệ phạm hạnh khen ngợi. Nay tôi có lời hỏi Hiền giả A-nan, ‘Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trắng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời’. Hiền giả A-nan, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?”

Tôn giả A-nan đáp rằng:

“Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo học rộng, nghe nhiều, nhớ mãi không quên, tích lũy sự nghe nhiều. Với những pháp sơ khởi vi diệu, khoảng giữa vi diệu và kết thúc cũng vi diệu, có nghĩa lý, có văn chương, toàn vẹn thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh; những pháp như vậy được vị ấy học rộng, nghe nhiều, tụng tập đến ngàn lần, chuyên ý tư duy, kiến giải thông suốt. Vị ấy thuyết pháp gọn gàng, lưu loát, hoàn toàn tương ứng với mục đích đoạn trừ các kết sử. Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như thế làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la này.”

Tôn giả Xá-lê Tử hỏi:

“Hiền giả Ly-việt-đa, Hiền giả A-nan đã nói theo hiểu biết của mình. Bấy giờ tôi hỏi Hiền giả Ly-việt-đa, ‘Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trắng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời’. Hiền giả Ly-việt-đa, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?”

Tôn giả Ly-việt-đa đáp rằng:

“Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo ưa yển tọa, bên trong tu hành nội tâm tĩnh chỉ, không bỏ tọa thiền, thành tựu quán tưởng, thường thích nhàn cư, ưa chỗ yên tĩnh. Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la.”

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi:

“Hiền giả A-na-luật-đà, Hiền giả Ly-việt-đa Tỳ-kheo đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Hiền giả A-na-luật-đà, ‘Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trắng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời’. Hiền giả A-na-luật-đà, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?”

Tôn giả A-na-luật-đà đáp rằng:

“Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo đạt được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, ở trong một ngàn thế giới, với một ít phương tiện, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lê Tử, ví như người có mắt ở trên lầu cao nhìn xuống khu đất trống có một ngàn gò nổi với một ít phương tiện, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lê Tử, cũng vậy, nếu Tỳ-kheo có được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, ở trong một ngàn thế giới với một ít phương tiện, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la.”

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi:

“Hiền giả Ca-chiên-diên, Hiền giả A-na-luật-đà Tỳ-kheo đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Hiền giả Ca-chiên-diên, ‘Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trắng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời’. Hiền giả Ca-chiên-diên, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?”

Tôn giả Ca-chiên-diên đáp rằng:

“Tôn giả Xá-lê Tử, ví như hai Tỳ-kheo pháp sư cùng bàn luận về A-tỳ-đàm thâm áo. Những điều được hỏi đều được thấu hiểu tường tận, những lời giải đáp thì thông suốt, sự thuyết pháp thì lưu loát. Tôn giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la.”

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi:

“Tôn giả Đại Ca-diếp, Hiền giả Ca-chiên-diên Tỳ-kheo đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Tôn giả Đại Ca-diếp, ‘Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trắng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời’. Hiền giả

Đại Ca-diếp, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?”

Tôn giả Đại Ca-diếp đáp rằng:

“Hiền giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo tự mình sống nơi vô sự khen ngợi ở nơi vô sự; tự mình có thiếu dục, khen ngợi sự thiếu dục; tự mình tri túc, khen ngợi sự tri túc; tự mình thích sống cô độc viễn ly và khen ngợi cô độc viễn ly; tự mình tu hành tinh tấn, khen ngợi sự tu hành tinh tấn; tự mình lập chánh niệm chánh trí, khen ngợi sự lập chánh niệm chánh trí; tự mình đắc định, khen ngợi sự đắc định; tự mình có trí tuệ, khen ngợi sự có trí tuệ; tự mình các lậu đã sạch, khen ngợi các lậu đã sạch; tự mình khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, khen ngợi khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Hiền giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la.

Tôn giả Xá-lê Tử lại hỏi:

“Hiền giả Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Hiền giả Mục-kiền-liên, ‘Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trắng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời’. Hiền giả Đại Ca-diếp, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp rằng:

“Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo nào có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, được tự tại vô lượng như ý túc, thực hành vô lượng như ý túc, có thể biến một thành nhiều, hợp nhiều làm thành một, một thì trụ trên một, được biết, được thấy; không bị trở ngại bởi vách đá, cũng như đi trong hư không; chìm xuống đất như chìm xuống nước, đi trên nước như đi trên đất; ngồi xếp kiết già mà bay trên không như chim bay liệng; với mặt trời và mặt trăng này vốn có đại như ý túc, đại phước hựu, đại oai thần mà có thể đưa tay bắt nắm, thân cao đến trời Phạm thiên. Tôn giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la.”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi:

“Tôn giả Xá-lê Tử, tôi và các vị Thượng tôn mỗi người đã tự nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Tôn giả Xá-lê Tử, ‘Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trắng sáng,

các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời'. Hiền giả Đại Ca-diếp, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?"

Tôn giả Xá-lê Tử đáp rằng:

"Hiền giả Mục-kiền-liên, nếu có Tỳ-kheo tùy dụng tâm tự tại, chứ không phải tùy tâm[10]. Nếu muốn trú định nào[11], vị ấy vào buổi sáng an trú[12] định ấy. Nếu muốn an trú trụ định vào buổi trưa hay buổi chiều, tức thì vị ấy an trú trụ định ấy vào buổi trưa hay buổi chiều. Hiền giả Mục-kiền-liên, ví như y phục của vua và các quan rất nhiều màu sắc rực rỡ, nếu họ muốn mặc thứ nào vào buổi sáng, liền lấy mặc vào. Nếu họ muốn mặc thứ nào vào buổi trưa hay buổi chiều, liền lấy mặc. Hiền giả Mục-kiền-liên, cũng vậy, nếu có Tỳ-kheo nào tùy dụng tâm tự tại, chứ không phải tùy tâm. Nếu muốn trú định nào, vị ấy vào buổi sáng an trú định ấy. Nếu muốn an trú trụ định vào buổi trưa hay buổi chiều, tức thì vị ấy an trú trụ định ấy vào buổi trưa hay buổi chiều. Hiền giả Mục-kiền-liên, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la."

Tôn giả Xá-lê Tử bảo rằng:

"Hiền giả Mục-kiền-liên, tôi và chư Hiền mỗi người đã nói theo sự hiểu biết của mình. Hiền giả Mục-kiền-liên, chúng ta hãy cùng với chư Hiền đi đến chỗ Phật để biết trong những điều vừa thảo luận ấy, vị nào nói hay."

Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Ly-việt-đa, Tôn giả A-nan, tất cả cùng đi đến chỗ Phật. Các Tôn giả đều cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên. Tôn giả A-nan cũng cúi đầu lễ sát chân Phật rồi lui đứng một bên. Tôn giả Xá-lê Tử bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, hôm nay có Hiền giả Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Hiền giả Ca-chiên-diên, Hiền giả A-na-luật-đà, Hiền giả Ly-việt-đa, Hiền giả A-nan, vào buổi sáng sớm tất cả đều đi đến chỗ con."

"Con thấy chư Hiền đến, nhân đó mới nói rằng:

"Kính chào A-nan, kính chào A-nan! Người là thị giả của Thế Tôn, hiểu được ý nghĩa, thường được Đức Thế Tôn và các bậc trí tuệ phạm hạnh khen ngợi. Nay tôi có lời hỏi Hiền giả A-nan, 'Khả

ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời'. Hiền giả A-nan, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?'

"Tôn giả A-nan đáp rằng, 'Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo học rộng, nghe nhiều, nhớ mãi không quên, tích lũy sự nghe nhiều. Với những pháp sơ khởi vi diệu, khoảng giữa vi diệu và kết thúc cũng vi diệu, có nghĩa lý, có văn chương, toàn vẹn thanh tịnh, hiển hiện phạm hạnh; những pháp như vậy được vị ấy học rộng, nghe nhiều, tụng tập đến ngàn lần, chuyên ý tư duy, kiến giải thông suốt. Vị ấy thuyết pháp gọn gàng, lưu loát, hoàn toàn tương ứng với mục đích đoạn trừ các kết sử. Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như thế làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la này'."

Thế Tôn khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Xá-lê Tử, đúng như thật lời Tỳ-kheo A-nan đã nói. Vì sao? Vì Tỳ-kheo A-nan đã thành tựu Đa-văn."

Tôn giả Xá-lê Tử bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, Hiền giả A-nan nói như vậy rồi, con lại hỏi, 'Hiền giả Ly-việt-đa, Hiền giả A-nan đã nói theo hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Hiền giả Ly-việt-đa, 'Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời'. Hiền giả Ly-việt-đa, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?'

"Hiền giả Ly-việt-đa đáp con rằng, 'Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo ưa yển tọa, bên trong tu hành nội tâm tĩnh chỉ, không bỏ tọa thiền, thành tựu quán tưởng, thường thích nhàn cư, ưa chỗ yên tĩnh. Thưa Tôn giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la'."

Thế Tôn khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Xá-lê Tử, đúng như lời Tỳ-kheo Ly-việt-đa đã nói. Vì sao? Vì Tỳ-kheo Ly-việt-đa ưa Tọa thiền."

Tôn giả Xá-lê Tử bạch rằng:

"Bạch Thế Tôn, Hiền giả Ly-việt-đa nói như vậy rồi, con lại hỏi, 'Hiền giả A-na-luật-đa, Hiền giả Ly-việt-đa Tỳ-kheo đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Hiền giả A-na-luật-đa,

‘Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời’. Hiền giả A-na-luật-đà, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?’

“Hiền giả A-na-luật-đà liền đáp lại con rằng, ‘Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo đạt được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, ở trong một ngàn thế giới, với một ít phương tiện, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lê Tử, ví như người có mắt ở trên lầu cao nhìn xuống khu đất trống có một ngàn gò nổi với một ít phương tiện, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lê Tử, cũng vậy, nếu Tỳ-kheo có được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, ở trong một ngàn thế giới với một ít phương tiện, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la’.”

Thế Tôn khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Xá-lê Tử, đúng như lời Tỳ-kheo A-na-luật-đà đã nói. Vì sao? Vì A-na-luật-đà Tỳ-kheo đã thành tựu Thiên nhãn.”

Tôn giả Xá-lê Tử bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Hiền giả A-na-luật-đà nói như vậy rồi, con lại hỏi, ‘Hiền giả Ca-chiên-diên, Hiền giả A-na-luật-đà Tỳ-kheo đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Hiền giả Ca-chiên-diên, ‘Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời’. Hiền giả Ca-chiên-diên, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?’

“Hiền giả Ca-chiên-diên liền đáp lại con rằng, ‘Tôn giả Xá-lê Tử, ví như hai Tỳ-kheo pháp sư cùng bàn luận về A-tỳ-đàm thâm áo. Những điều được hỏi đều được thấu hiểu tường tận, những lời giải đáp thì thông suốt, sự thuyết pháp thì lưu loát. Tôn giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la’.”

Thế Tôn khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Xá-lê Tử, đúng như lời Tỳ-kheo Ca-chiên-diên đã nói. Vì sao? Vì Ca-chiên-diên Tỳ-kheo là Phân biệt pháp sư.”

Tôn giả Xá-lê Tử bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Hiền giả Ca-chiên-diên nói như vậy rồi, con lại hỏi, ‘Tôn giả Đại Ca-diếp, Hiền giả Ca-chiên-diên Tỳ-kheo đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Tôn giả Đại Ca-diếp, ‘Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trắng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời’. Hiền giả Đại Ca-diếp, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?”

“Tôn giả Đại Ca-chiên-diên liền đáp lại con rằng, ‘Hiền giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo tự mình sống nơi vô sự khen ngợi ở nơi vô sự; tự mình có thiếu dục, khen ngợi sự thiếu dục; tự mình tri túc, khen ngợi sự tri túc; tự mình thích sống cô độc viễn ly và khen ngợi cô độc viễn ly; tự mình tu hành tinh tấn, khen ngợi sự tu hành tinh tấn; tự mình lập chánh niệm chánh trí, khen ngợi sự lập chánh niệm chánh trí; tự mình đặc định, khen ngợi sự đặc định; tự mình có trí tuệ, khen ngợi sự có trí tuệ; tự mình các lậu đã sạch, khen ngợi các lậu đã sạch; tự mình khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, khen ngợi khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Hiền giả Xá-lê Tử, vì Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la’.”

Thế Tôn khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Xá-lê Tử, đúng như lời Tỳ-kheo Ca-diếp đã nói. Vì sao? Vì Đại Ca-diếp Tỳ-kheo thường tu hạnh Vô sự.”

Tôn giả Xá-lê Tử bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, Tôn giả Đại Ca-diếp nói như vậy rồi, con lại hỏi ‘Hiền giả Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ tôi hỏi Hiền giả Mục-kiền-liên, ‘Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trắng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời’. Hiền giả Đại Ca-diếp, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?’

“Hiền giả Đại Mục-kiền-liên liền đáp lại con rằng, ‘Tôn giả Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo nào có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, được tự tại vô lượng như ý túc, thực hành vô lượng như ý túc, có thể biến một thành nhiều, hợp nhiều làm thành một, một thì trụ trên một, được biết, được thấy; không bị trở ngại bởi vách đá, cũng như đi trong hư không; chìm xuống đất như chìm xuống nước, đi trên nước như đi trên đất; ngồi xếp

kiết già mà bay trên không như chim bay liệng; với mặt trời và mặt trăng này vốn có đại như ý túc, đại phước hựu, đại oai thần mà có thể đưa tay bắt nắm, thân cao đến trời Phạm thiên. Tôn giả Xá-lê Tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la'."

Thế Tôn khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Xá-lê Tử, đúng như lời Tỳ-kheo Mục-kiền-liên đã nói. Vì sao? Vì Tỳ-kheo Mục-kiền-liên có Đại như ý túc."

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo một bên, chấp tay mà bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, con và chư Tôn giả nói như vậy rồi, liền bạch Tôn giả Xá-lê Tử rằng, 'Tôn giả Xá-lê Tử, tôi và các vị Thượng tôn mỗi người đã tự nói theo sự hiểu biết của mình. Bấy giờ tôi hỏi Tôn giả Xá-lê Tử, 'Khả ái thay, rừng Ngưu giác sa-la này, ban đêm có trắng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát, ví như hoa trời'. Hiền giả Đại Ca-diếp, những Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la?'

"Tôn giả Xá-lê Tử liền đáp lại lời con rằng, 'Hiền giả Mục-kiền-liên, nếu có Tỳ-kheo tùy dụng tâm tự tại, chứ không phải tùy tâm. Nếu muốn trú định nào, vị ấy vào buổi sáng an trú định ấy. Nếu muốn an trú trụ định vào buổi trưa hay buổi chiều, tức thì vị ấy an trú trụ định ấy vào buổi trưa hay buổi chiều. Hiền giả Mục-kiền-liên, ví như y phục của vua và các quan rất nhiều màu sắc rực rỡ, nếu họ muốn mặc thứ nào vào buổi sáng, liền lấy mặc vào. Nếu họ muốn mặc thứ nào vào buổi trưa hay buổi chiều, liền lấy mặc. Hiền giả Mục-kiền-liên, cũng vậy, nếu có Tỳ-kheo nào tùy dụng tâm tự tại, chứ không phải tùy tâm. Nếu muốn trú định nào, vị ấy vào buổi sáng an trú định ấy. Nếu muốn an trú trụ định vào buổi trưa hay buổi chiều, tức thì vị ấy an trú trụ định ấy vào buổi trưa hay buổi chiều. Hiền giả Mục-kiền-liên, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la'."

Thế Tôn khen rằng:

"Lành thay! Lành thay! Mục-kiền-liên, đúng như lời Tỳ-kheo Xá-lê Tử đã nói. Vì sao? Vì Xá-lê Tử Tỳ-kheo tùy dụng Tâm tự tại."

Bấy giờ Tôn giả Xá-lê Tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo một bên mà bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, con và chư Hiền nói như vậy rồi, bảo rằng, ‘Hiền giả Mục-kiền-liên, tôi và chư Hiền mỗi người đã tự trình bày theo sự hiểu biết của mình. Hiền giả Mục-kiền-liên, chúng ta hãy cùng với chư Hiền đi đến chỗ Đức Phật để biết trong những điều vừa bàn luận ấy vị nào nói hay. Bạch Thế Tôn, trong chúng con, ai nói hay?’”

Thế Tôn đáp rằng:

“Này Xá-lê Tử, tất cả đều hay. Vì sao? Vì các pháp đó chính là những điều Ta nói. Xá-lê Tử, hãy nghe Ta nói. Vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la. Này Xá-lê Tử, nếu có Tỳ-kheo tùy theo chỗ ở hoặc thành quách, thôn ấp, vào buổi sáng sớm mang y cầm bát vào thôn khất thực, khéo thủ hộ thân, khéo thúc liễm các căn, khéo giữ tâm niệm. Vị ấy sau khi khất thực xong, sau giờ ngộ, thân xếp y bát, rửa chân tay, lấy tọa cụ vắt lên trên vai, đến chỗ vô sự, hoặc dưới gốc cây, hay chỗ thanh vắng, trải ni-sư-đàn mà ngồi kiết già, ngồi luôn cho đến chứng lậu tận mới giải kiết già. Vị ấy không giải kiết già cho đến khi nào chưa chứng được lậu tận. Này Xá-lê Tử, Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu giác sa-la.”

Phật thuyết giảng như vậy. Các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

185. Kinh Ngưu Giác Sa La Lâm (2)

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa đến Na-ma-đề-sầu, ở tại tinh xá Kiền-kì.

Bấy giờ, sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, Đức Thế Tôn đắp y trì bát, vào Na-ma-đề khất thực. Sau khi ăn xong, vào buổi chiều, Ngài đi đến khu rừng Ngưu giác sa-la. Có ba người con dòng quý tộc cùng ở trong đó, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đê, Tôn giả Kim-tì-la.

Ba Tôn giả ấy làm như vậy. Nếu ai khất thực đi về trước thì trải giường, múc nước, mang đồ rửa chân ra, để sẵn ghế rửa chân, khăn lau chân, bình đựng nước, chậu rửa. Nếu có thể ăn hết đồ ăn đã xin được thì cứ ăn. Nếu còn dư thì cho vào đồ chứa đầy kín cất. Ăn xong, cất bình bát, rửa tay chân, lấy tọa cụ vắt lên vai, vào nhà ngồi tĩnh tọa. Nếu ai khất thực đi về sau, có thể ăn hết

đồ ăn thì cứ ăn. Nếu không đủ thì lấy đồ dư của người trước đem ra ăn cho đủ. Nếu còn dư nữa thì đem đổ chỗ đất sạch hay trong nước không có trùng. Người ấy lấy đồ đựng của người kia rửa, lau thật sạch rồi đem treo một bên, dọn dẹp giường chiếu, nhặt ghế rửa chân, thau khăn lau chân, cất đồ rửa chân, bình nước và chậu rửa, dọn dẹp nhà ăn sạch sẽ rồi thau cất y bát, rửa tay chân, lấy tọa cụ vắt trên vai, vào nhà tĩnh tọa.

Ngồi đến xế, trong các Tôn giả ấy, nếu ai đang tĩnh tọa mà ngồi dậy trước, thấy bình nước và chậu rửa chân không có nước thì phải đem đi lấy. Nếu xách nổi thì xách, bằng không thì vẩy tay một Tỳ-kheo khác, hai người cùng khiêng, mỗi người khiêng một phía, không nói chuyện với nhau, không hỏi gì nhau.

Các vị ấy cứ năm ngày họp một lần, hoặc để nói pháp, hoặc yên lặng cả theo các bậc Thánh.

Bấy giờ người giữ rừng thấy Thế Tôn từ xa đi đến, đón ngăn lại, quả rằng:

“Sa-môn! Sa-môn! Chớ có vào khu rừng này. Vì sao? Hiện nay trong khu rừng này có ba người dòng quý tộc ở. Ấy là Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đê, Tôn giả Kim-tì-la. Nếu thấy ông, chắc họ không chịu.”

Đức Phật bảo rằng:

“Này Người giữ rừng, nếu họ thấy Ta thì không có gì là không chịu”.

Bấy giờ Tôn giả A-na-luật-đà từ xa thấy Thế Tôn đến, liền quả người giữ rừng rằng:

“Này Người giữ rừng, chớ có ngăn cản Đức Thế Tôn. Này Người giữ rừng, chớ có quả la Đức Thiện Thệ. Vì sao? Vì đó là Tôn sư Thế Tôn của tôi đến, là Đấng Thiện Thệ của tôi đến.”

Rồi Tôn giả A-na-luật-đà ra rước Thế Tôn, đón lấy y bát. Tôn giả Nan-đê, Tôn giả Kim-tì-la trải giường ngồi, Tôn giả Kim-tì-la đi lấy nước.

Đức Thế Tôn bấy giờ sau khi rửa tay xong, ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn. Ngồi xong Ngài hỏi rằng:

“A-na-luật-đà, ông có thường an ổn, không thiếu thốn chăng?”

Tôn giả A-na-luật-đà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con vẫn thường an ổn, không có gì thiếu thốn.”

Thế Tôn lại hỏi:

“Này A-na-luật-đà, vì sao ông được an ổn, không có gì thiếu thốn?”

Tôn giả A-na-luật-đà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con nghĩ rằng con nhờ có thiện lợi, có đại công đức, vì con tu tập cùng với các vị phạm hạnh như vậy. Bạch Thế Tôn, con thường hướng đến các vị phạm hạnh này để tu thân nghiệp từ hòa, thấy nhau hay không thấy nhau cũng như vậy; và tu khẩu nghiệp từ hòa, ý nghiệp từ hòa, thấy nhau hay không thấy nhau cũng như vậy. Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ, ‘Nay ta hãy tự xả bỏ tâm mình mà tùy theo tâm các Hiền giả này’. Rồi con xả bỏ tâm mình để tùy theo tâm các Hiền giả này. Con chưa từng có một điều gì mà không xứng ý. Bạch Thế Tôn, con nhờ như vậy mà thường được an ổn, không có gì thiếu thốn”.

Phật hỏi Tôn giả Nan-đề, đáp cũng như vậy. Phật lại hỏi Tôn giả Kim-tì-la rằng:

“Ông có thường an ổn, không có gì thiếu thốn chăng?”

Tôn giả Kim-tì-la bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con thường an ổn không có gì thiếu thốn.”

Phật lại hỏi:

“Này Kim-tì-la, vì sao ông thường được an ổn, không có gì thiếu thốn?”

Tôn giả Kim-tì-la bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, con nghĩ rằng con nhờ có thiện lợi, có đại công đức, vì con tu tập cùng với các vị phạm hạnh như vậy. Bạch Thế Tôn, con thường hướng đến các vị phạm hạnh này để tu thân nghiệp từ hòa, thấy nhau hay không thấy nhau cũng như vậy; và tu khẩu nghiệp từ hòa, ý nghiệp từ hòa, thấy nhau hay không thấy nhau cũng như vậy. Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ, ‘Nay ta hãy tự xả bỏ tâm mình mà tùy theo tâm các Hiền giả này’. Rồi con xả bỏ tâm mình để tùy theo tâm các Hiền giả này. Con chưa từng có một điều gì mà không xứng ý. Bạch Thế Tôn, con nhờ như vậy mà thường được an ổn, không có gì thiếu thốn”.

Thế Tôn khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Này A-na-luật-đà, các ông thường cùng nhau hòa hiệp an ổn, không tranh chấp như vậy, cùng một tâm, cùng một thầy, cùng hiệp nhất như nước với sữa. Thế nhưng có chứng đắc pháp Thượng nhân mà có sai giảng an lạc trụ chỉ[06] chăng?”

Tôn giả A-na-luật-đà bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, quả như vậy. Chúng con thường cùng hòa hiệp an ổn, không tranh cãi nhau, cùng một tâm, cùng một thầy, cùng hòa hiệp với nhau như nước với sữa, chứng đắc pháp Thượng nhân mà có sai giảng an lạc trụ chỉ. Bạch Thế Tôn, chúng con ly dục ác bất thiện pháp, cho đến, chứng đắc đệ Tứ thiên, thành tựu và an trụ.

“Bạch Thế Tôn, như vậy, chúng con cùng hòa hiệp an ổn, không tranh cãi nhau, cùng một tâm, cùng một thầy, cùng hòa hiệp với nhau như nước với sữa, chứng đắc pháp Thượng nhân mà sai giảng an lạc trụ chỉ.”

Thế Tôn khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Này A-na-luật-đà, bỏ qua trụ chỉ này, quá đây, vượt đây, còn có chứng đắc pháp nào của bậc Thượng nhân khác mà có sự sai giảng an lạc trụ chỉ chăng?”

Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, bỏ qua trụ chỉ này, quá đây, vượt đây, còn có chứng đắc pháp nào của bậc Thượng nhân khác mà có sự sai giảng an lạc trụ chỉ. Bạch Thế Tôn, tâm của con câu hữu với từ, biến khắp một phương, thành tựu và an trụ. Cũng vậy, tâm câu hữu với từ, biến khắp tất cả phương thứ hai, phương thứ ba, phương trên, phương dưới và bốn phương bàng, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi bao la, khéo tu vô lượng, biến khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Cũng vậy, bi tâm, hỷ tâm câu hữu với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi bao la, khéo tu vô lượng, biến khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú.

“Bạch Thế Tôn, bỏ qua trụ chỉ này, quá đây, vượt đây, còn có chứng đắc pháp nào của bậc Thượng nhân khác mà có sự sai giảng an lạc trụ chỉ.”

Thế Tôn khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Nay A-na-luật-đà, bỏ qua trụ chỉ này, quá đây, vượt đây, còn có chứng đắc pháp nào của bậc Thượng nhân khác mà có sự sai giảng an lạc trụ chỉ chẳng?”

Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, bỏ qua trụ chỉ này, quá đây, vượt đây, còn có chứng đắc pháp nào của bậc Thượng nhân khác mà có sự sai giảng an lạc trụ chỉ. Bạch Thế Tôn, chúng con vượt qua tất cả sắc tướng, cho đến, nhập phi hữu tướng phi vô tướng xứ, thành tựu an trụ.

“Bạch Thế Tôn, bỏ qua trụ chỉ này, quá đây, vượt đây, còn có chứng đắc pháp nào của bậc Thượng nhân khác mà có sự sai giảng an lạc trụ chỉ.”

Thế Tôn khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Nay A-na-luật-đà, bỏ qua trụ chỉ này, quá đây, vượt đây, còn có chứng đắc pháp nào của bậc Thượng nhân khác mà có sự sai giảng an lạc trụ chỉ chẳng?”

Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, bỏ qua trụ chỉ này, quá đây, vượt đây, còn có chứng đắc pháp nào của bậc Thượng nhân khác mà có sự sai giảng an lạc trụ chỉ. Bạch Thế Tôn, chúng con đắc Như ý túc, Thiên nhĩ trí, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Sanh tử trí, các lậu đã hết, tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trụ, biết một cách như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’.

“Bạch Thế Tôn, bỏ qua trụ chỉ này, quá đây, vượt đây, còn có chứng đắc pháp nào của bậc Thượng nhân khác mà có sự sai giảng an lạc trụ chỉ.”

Thế Tôn khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Nay A-na-luật-đà, bỏ qua trụ chỉ này, quá đây, vượt đây, còn có chứng đắc pháp nào của bậc Thượng nhân khác mà có sự sai giảng an lạc trụ chỉ chẳng?”

Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật rằng:

“Bạch Thế Tôn, bỏ qua trụ chỉ này, vượt qua, lướt qua, không còn có pháp nào khác nữa của bậc Thượng nhân, mà có sự sai giảng an lạc trụ chỉ.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn nghĩ như vậy: “Chỗ an trụ của người con dòng họ quý tộc này an ổn khoái lạc. Hôm nay Ta hãy thuyết pháp cho họ nghe.”

Thế Tôn nghĩ như vậy rồi, liền thuyết pháp cho Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tì-la nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy đi về.

Bấy giờ Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tì-la đi theo Đức Thế Tôn được một quãng đường, rồi trở lại chỗ ở.

Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tì-la khen Tôn giả A-na-luật-đà:

“Lành thay! Lành thay! Tôn giả A-na-luật-đà, chúng tôi trước chưa nghe Tôn giả A-na-luật-đà nói những nghĩa lý như vậy. Chúng tôi có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hỷ, có đại oai thần như vậy, nhưng Tôn giả A-na-luật-đà đã hết sức khen ngợi chúng tôi trước Đức Thế Tôn.”

Tôn giả A-na-luật-đà khen Tôn giả Nan-đề và Tôn giả Kim-tì-la:

“Lành thay! Lành thay! Nay chư Tôn giả, tôi cũng chưa bao giờ nghe Tôn giả có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hỷ, có đại oai thần như vậy. Nhưng một thời gian dài, với tâm tôi, tôi biết tâm của Tôn giả, Tôn giả có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hỷ, có đại oai thần. Vì thế, đứng trước Đức Thế Tôn tôi mới trình bày như vậy.

Bấy giờ có vị trời Trường Quý, hình dáng cực diệu, sáng chói lồng lộng, lúc đêm tàn, sáng rạng đông, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân rồi lui đứng một bên, bạch Thế Tôn rằng:

“Bạch Đại tiên nhân, dân chúng nước Bạt-kì được đại lợi ích vì có Thế Tôn và ba người con dòng họ quý tộc hiện ở, Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tì-la.”

Các Địa thần nghe Trường Quý thiên nói, làm cho âm thanh vang lớn:

“Bạch Đại tiên nhân, dân chúng nước Bạt-kì được đại lợi ích vì có Thế Tôn và ba người con dòng họ quý tộc hiện ở, Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tì-la.” Nghe theo âm thanh vang lớn của

Địa thần, các cõi Hư không thiên, Tứ vương thiên, Tam thập tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất-đa thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa lạc thiên, khoảnh khắc đã làm cho âm thanh thấu đến Phạm thiên: “Bạch Đại tiên nhân, dân chúng nước Bạt-kì được đại lợi ích vì có Thế Tôn và ba người con dòng quý tộc hiện ở, Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tì-la.”

Thế Tôn bảo rằng:

“Thật vậy, này Trường Quý thiên, dân chúng nước Bạt-kì được đại lợi ích vì có Thế Tôn và ba người con dòng quý tộc hiện ở, Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tì-la.

“Này Trường Quý thiên, các Địa thần nghe tiếng nói của người rồi, liền làm vang lớn âm thanh, ‘Bạch Đại tiên nhân, dân chúng nước Bạt-kì được đại lợi ích vì có Thế Tôn và ba người con dòng quý tộc hiện ở, Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tì-la’. Tiếp theo âm thanh vang lớn của Địa thần, các cõi Hư không thiên, Tứ vương thiên, Tam thập tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất-đa thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa lạc thiên, khoảnh khắc đã làm cho âm thanh thấu đến Phạm thiên: ‘Bạch Đại tiên nhân, dân chúng nước Bạt-kì được đại lợi ích vì có Thế Tôn và ba người con dòng quý tộc hiện ở, Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tì-la’.

“Này Trường Quý thiên, nếu ba gia đình quý tộc kia có ba người con quý tộc này, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, tín xả, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, thì ba gia đình quý tộc ấy sẽ nhớ lại nhân duyên và công hạnh của ba người con. Họ cũng sẽ được lợi ích lớn, khoái lạc lâu dài. Và nếu thôn ấp, Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người đến trời mà nhớ nghĩ đến nhân duyên và công hạnh của ba người con dòng dõi quý tộc ấy, họ cũng sẽ được đại lợi ích, an ổn, khoái lạc lâu dài.

“Này Trường Quý thiên, vì ba người con dòng dõi quý tộc ấy có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần như vậy”.

Phật thuyết giảng như vậy. Ba người con dòng quý tộc và Trường Quý thiên sau khi nghe những lời Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

186. Kinh Cầu Giải

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa Câu-lâu-sấu, tại đô ấp Kiềm-ma-sắt-đàm, một đô ấp của Câu-lâu.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Duyên nơi ý của mình mà không biết như thật về tâm trí của người khác thì không thể biết được sự Giác ngộ chánh đẳng của Thế Tôn. Vậy làm thế nào để tìm hiểu Như Lai?”

Khi ấy các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

“Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là gốc của pháp, Thế Tôn là chủ của pháp, pháp do nơi Thế Tôn mà có. Ngưỡng mong Ngài thuyết cho, chúng con nghe được rồi sẽ thấu rõ nghĩa lý.”

Phật liền bảo rằng:

“Này các Tỳ-kheo, hãy lắng nghe rõ và khéo suy nghĩ. Ta sẽ phân biệt đây đủ cho các ông nghe.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời mà lắng nghe.

Thế Tôn bảo rằng:

“Duyên nơi ý của mình mà không biết như thật về tâm trí của người khác, phải do hai sự kiện để tìm hiểu Như Lai, một là sắc được biết bởi mắt và hai là tiếng được nghe bởi tai.

“Pháp ô nhiễm được biết bởi mắt và tai, có hay không có nơi Tôn giả ấy? Sau khi tìm hiểu, biết rằng pháp ô nhiễm được biết bởi mắt và tai không có nơi Tôn giả ấy. Nếu ở đây không có, lại phải tìm hiểu nữa.

“Pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai, có hay không có nơi Tôn giả ấy? Sau khi tìm hiểu, biết rằng những pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai không có nơi Tôn giả ấy. Nếu ở đây không có, phải tìm hiểu thêm nữa.

“Pháp bạch tịnh được biết bởi mắt và tai, có hay không có nơi Tôn giả ấy? Sau khi tìm hiểu, biết rằng pháp bạch tịnh được biết bởi mắt và tai có nơi Tôn giả ấy. Nếu ở đây có, lại phải tìm hiểu nữa.

“Tôn giả ấy đã thực hành pháp ấy lâu dài hay chỉ thực hành tạm thời? Nếu khi tìm hiểu, biết rằng Tôn giả ấy thực hành pháp

ấy lâu dài chứ không phải tạm thời. Nếu là thường thực hành, lại phải tìm hiểu thêm nữa.

“Tôn giả ấy nhập vào thiên này vì danh dự, vì lợi nghĩa, hay không vì danh dự và lợi nghĩa? Nếu khi tìm hiểu, biết rằng Tôn giả ấy nhập vào thiên này không phải vì tai hoạn.

“Nếu có người nói như vậy, ‘Tôn giả ấy thích tu hành không phải vì sợ hãi; ly dục, không hành dục, vì dục đã diệt tận’, thì nên hỏi người ấy rằng, ‘Này Hiền giả, với hành vi nào, với năng lực nào, với trí tuệ nào để Hiền giả có thể tự mình nhận xét chân chánh rằng, ‘Tôn giả ấy thích tu hành không phải vì sợ hãi; ly dục, không hành dục, vì dục đã diệt tận?’’ Nếu người ấy trả lời như vậy, ‘Tôi không biết tâm trí của vị ấy, cũng không phải do sự kiện nào khác mà biết. Nhưng vị Tôn giả ấy, hoặc khi sống một mình, hoặc khi ở giữa đại chúng, hoặc ở giữa chỗ tập hợp, nơi đó hoặc có Thiện thế hay những người thọ hóa bởi Thiện thế, hoặc là bậc Tôn chủ, hoặc là người được thấy bởi vật dục, này Hiền giả, tôi cũng không tự mình hiểu biết vị ấy. Tôi nghe từ chính Tôn giả ấy mà trực tiếp ghi nhận như vậy, ‘Ta thích tu hành không phải vì sợ hãi; ly dục, không hành dục, vì dục đã diệt tận’ Này Hiền giả, với hành vi như vậy, với năng lực như vậy, với trí tuệ như vậy, khiến tôi tự mình nhận xét chân chánh mà nói rằng, ‘Tôn giả ấy thích tu hành không phải vì sợ hãi; ly dục, không hành dục, vì dục đã diệt tận’.”

“Trong đây này lại cần phải hỏi thêm nữa về Như Lai, ‘Nếu có pháp ô nhiễm được biết bởi mắt và tai, có trường hợp pháp ấy bị diệt tận vô dư chăng? Nếu có pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai, có trường hợp pháp ấy bị diệt tận vô dư chăng? Nếu có pháp bạch tịnh, có trường hợp pháp ấy bị diệt tận vô dư chăng?’ Như Lai bèn trả lời người ấy rằng, ‘Nếu có pháp ô nhiễm được biết bởi mắt và tai, có trường hợp pháp này bị diệt tận vô dư. Nếu có pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai, có trường hợp pháp này bị diệt tận vô dư.’

“Nếu có pháp ô nhiễm được nhận biết bởi mắt và tai, Như Lai diệt tận, đoạn trừ, nhổ tuyệt gốc rễ, không bao giờ sanh khởi trở lại nữa. Nếu có pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai, Như Lai diệt tận, đoạn trừ, nhổ tuyệt gốc rễ, không bao giờ sanh trở lại nữa. Nếu có pháp bạch tịnh, thì Ta với pháp bạch tịnh như vậy,

cảnh giới như vậy, đạo Sa-môn như vậy, Ta như vậy mà thành tựu Chánh pháp luật này.

“Có đệ tử tịnh tín đến thăm viếng Như Lai, phụng sự Như Lai, nghe pháp từ Như Lai, và được Như Lai nói pháp cho, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo đoạn trừ hắc bạch. Sau khi được Như Lai nói pháp cho nghe, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo đoạn trừ hắc bạch; nghe như vậy như vậy rồi, vị ấy biết tường tận pháp một, đối với các pháp mà chứng đắc cứu cánh, tịnh tín nơi Thế Tôn, biết rằng ‘Thế Tôn là vị Chánh Đẳng Giác’ vậy.

“Ở đây, lại cần hỏi thêm vị ấy rằng, ‘Này Hiền giả, do hành vi nào, do năng lực nào, do trí tuệ nào để Hiền giả có thể biết tường tận pháp một, đối với các pháp mà chứng đắc cứu cánh, tịnh tín nơi Thế Tôn, biết rằng ‘Thế Tôn là vị Chánh Đẳng Giác?’ Vị ấy sẽ trả lời như vậy, ‘Này Hiền giả, tôi không biết tâm của Thế Tôn, cũng không do sự kiện nào khác mà biết. Tôi do nơi Thế Tôn mà có tịnh tín như vậy. Thế Tôn nói pháp cho tôi nghe, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo đoạn trừ hắc bạch. Này Hiền giả, như Thế Tôn nói pháp cho tôi nghe, và tôi nghe như vậy như vậy, Như Lai nói pháp cho tôi nghe, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo đoạn trừ hắc bạch, và tôi nghe như vậy như vậy rồi, biết tường tận pháp một, đối với các pháp mà chứng đắc cứu cánh, tịnh tín nơi Thế Tôn, biết rằng ‘Thế Tôn là vị Chánh Đẳng Giác’. Này Hiền giả, tôi do hành vi như vậy, năng lực như vậy, trí tuệ như vậy, khiến tôi biết tường tận pháp một, đối với các pháp mà chứng đắc cứu cánh, tịnh tín nơi Thế Tôn, biết rằng ‘Thế Tôn là vị Chánh Đẳng Giác’.”

“Nếu ai có hành này, lực này, trông sâu gốc rễ tịnh tín nơi Như Lai, tín căn đã vững, thì được gọi là tín tương ưng với trí bất hoại, do thấy được gốc rễ. Sa-môn, Phạm chí, Chư thiên, Ma, Phạm và các hàng thế gian khác không thể tước đoạt được. Hãy như vậy mà tìm hiểu Như Lai. Hãy như vậy mà nhận biết chính đáng về Như Lai.”

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

187. Kinh Thuyết Trí

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Nếu các Tỳ-kheo nào đến trước các người nói lên trí mà mình đã chứng đắc, biết một cách như thật rằng ‘Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Các người nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành.

“Sau khi đã khen vị ấy là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các người nên hỏi Tỳ-kheo ấy như vậy, ‘Này Hiền giả, Thế Tôn đã nói năm thủ uẩn, thọ, tưởng, hành và thức. Này Hiền giả, làm sao biết, làm sao thấy năm thủ uẩn này để được biết là không còn chấp thủ, mà dứt sạch các lậu, tâm giải thoát?’

“Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết được rằng phạm hạnh đã vững ấy nên như pháp mà đáp lại như vậy, ‘Này chư Hiền, sắc thủ uẩn là không hiệu quả, là không hư, không đáng ham muốn, không bằng hữu, cũng không thể dựa, là pháp biến dịch. Tôi biết như vậy. Nếu đối với sắc thủ uẩn mà có tham dục, có ô nhiễm, có đắm trước, có trói buộc; sự đắm trước, sự trói buộc, sự sai sử này mà bị tận trừ, ly dục, diệt, tịch tĩnh, do đó biết là không còn chấp thủ, dứt sạch các lậu, tâm giải thoát. Cũng như vậy, thọ, tưởng, hành, thức thủ uẩn là không hiệu quả, là không hư, là không đáng ham muốn, không bằng hữu, cũng không thể dựa, là pháp biến dịch. Tôi biết như vậy. Nếu đối với thức thủ uẩn mà có tham dục, có ô nhiễm, có đắm trước, có trói buộc; sự đắm trước, sự trói buộc, sự sai sử này mà tận trừ, ly dục, diệt, tịch tĩnh, do đó biết là không còn chấp thủ, dứt sạch các lậu, tâm giải thoát. Này chư Hiền, đối với năm thủ uẩn, tôi biết như vậy, thấy như vậy, được rõ biết là không còn chấp thủ, dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát’.

“Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết được rằng phạm hạnh đã vững ấy nên như pháp mà đáp lại như vậy. Và các người sau khi nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành.

“Khi đã khen là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, lại hỏi Tỳ-kheo ấy như vậy, ‘Này Hiền giả, Thế Tôn đã nói bốn loại thức ăn, chúng sanh nhờ đó mà được tồn tại và được trưởng dưỡng.

Những gì là bốn? Một là đoàn thực hoặc thô hoặc tế. Hai là xúc thực. Ba là ý niệm thực. Bốn là thức thực’.

“Này Hiền giả, làm sao biết, làm sao thấy được bốn loại thực này để rõ biết là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm giải thoát?’

“Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết được phạm hạnh đã vững ấy nên như pháp mà đáp như vậy, ‘Này chư Hiền, đối với đoàn thực, ý tôi không coi trọng, không coi rẻ, không đam mê, không ràng buộc, không nhiễm, không đắm, được giải thoát, giải thoát một cách rốt ráo, tâm không còn điên đảo; biết một cách như thật rằng ‘Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Cũng như vậy, đối với xúc thực, ý niệm thực và thức thực, ý tôi không coi trọng, không coi rẻ, không đam mê, không ràng buộc, không nhiễm, không đắm, được giải thoát, giải thoát một cách rốt ráo, tâm không còn điên đảo; biết một cách như thật rằng ‘Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Này chư Hiền, tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy đối với bốn loại thực này, rõ biết không còn chấp thủ, dứt sạch các lậu, tâm giải thoát’.

“Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu, biết mình phạm hạnh đã vững nên như pháp mà đáp như vậy. Các người nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành.

“Sau khi khen là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, lại hỏi Tỳ-kheo ấy như vậy, ‘Này Hiền giả, Đức Thế Tôn đã nói bốn loại tuyên thuyết. Những gì là bốn?

Một là thấy thì nói là thấy.

Hai là nghe thì nói là nghe.

Ba là hay thì nói là hay.

Bốn là biết thì nói là biết.’

“Này Hiền giả, làm sao biết, làm sao thấy bốn loại tuyên thuyết này để rõ được mình không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát?’

“Tỳ-kheo các lậu đã dứt sạch, biết được mình phạm hạnh đã vững, nên như pháp mà đáp như vậy, ‘Này chư Hiền, đối với sự thấy nói thấy, tôi không coi trọng, không coi rẻ, không đam mê, không ràng buộc, không nhiễm, không đắm, được giải thoát, giải

thoát một cách rốt ráo, tâm không còn điên đảo; biết một cách như thật rằng 'Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa'. Nay chư Hiền, tôi biết như vậy, thấy như vậy đối với bốn loại tuyên thuyết này, tôi biết rõ mình đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát'. Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu, tự biết phạm hạnh đã vững ấy nên như pháp mà đáp như vậy. Các người sau khi nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành.

"Sau khi khen là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, lại hỏi Tỳ-kheo ấy như vậy, 'Này Hiền giả, Thế Tôn đã nói pháp sáu nội xứ, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý xứ. Này Hiền giả, làm sao biết, làm sao thấy được sáu nội xứ này để biết rõ là đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát?'

"Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu, tự biết phạm hạnh đã vững ấy nên như pháp mà đáp như vậy, 'Này chư Hiền, đối với mắt và thức con mắt, pháp được biết bởi thức con mắt, tôi đều biết. Sau khi biết hai pháp, này chư Hiền, nếu đối với mắt và thức con mắt, pháp được biết bởi thức con mắt mà ái lạc đã dứt sạch; do dứt sạch, ly dục, diệt, tịch tĩnh mà tôi biết là đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát. Cũng như vậy, đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý và ý thức, pháp biết bởi ý thức, tôi đều biết. Sau khi biết hai pháp, này chư Hiền, nếu đối với ý và ý thức, pháp được biết bởi ý thức, mà ái lạc đã dứt sạch; do dứt sạch, ly dục, diệt, tịch tĩnh mà đã biết là đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát. Nay chư Hiền, tôi biết như vậy, thấy như vậy, đối với nội lục xứ được biết là đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát'. Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết mình phạm hạnh đã vững ấy nên như pháp mà đáp như vậy. Các người sau khi nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành.

"Sau khi khen là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi nên hỏi vị Tỳ-kheo ấy như vậy, 'Này Hiền giả, Thế Tôn nói sáu giới, là: địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới và thức giới. Này Hiền giả, làm sao biết, làm sao thấy sáu giới này để rõ biết mình đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát?'

"Tỳ-kheo đã dứt sạch phiền não, biết được mình phạm hạnh đã vững, nên như pháp mà đáp như vậy, 'Này chư Hiền, tôi không thấy rằng địa giới là sở thuộc của tôi. Tôi không phải là sở thuộc

của địa giới. Địa giới chẳng phải là thần ngã. Nhưng ba thủ nường địa giới mà trụ và các kết sử dựa vào đó mà sanh. Chúng bị diệt sạch, ly dục, diệt, tịch tĩnh, do đó mà biết là đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát. Cũng như vậy, thủy, hỏa, phong, không và thức giới chẳng phải sở thuộc của tôi. Tôi không phải sở thuộc của thức giới. Thức giới chẳng phải là thần ngã. Nhưng ba thủ nường địa giới mà trụ và các kết sử dựa vào đó mà sanh. Chúng bị diệt sạch, ly dục, diệt, tịch tĩnh, do đó mà biết là đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát. Nay chư Hiền, tôi biết như vậy, thấy như vậy đối với sáu giới ấy, rõ biết mình đã dứt sạch các lậu, không còn chấp thủ, tâm được giải thoát'. Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết mình phạm hạnh đã vững ấy nên như pháp mà đáp như vậy. Các người sau khi nghe rồi nên khen ngợi là đúng và hoan hỷ phụng hành.

"Sau khi khen ngợi là đúng và hoan hỷ rồi nên hỏi vị Tỳ-kheo ấy như vậy, 'Này Hiền giả, làm sao biết, làm sao thấy bên trong thân cùng với thức này và tất cả các tướng bên ngoài, ngã, ngã tác và kết sử mạn, thấy đều được đoạn tri, nhổ tuyệt cội gốc của chúng, không còn tái sanh nữa?' Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết mình phạm hạnh đã vững ấy nên như pháp mà đáp như vậy, 'Này chư Hiền, thuở xưa, khi tôi chưa xuất gia học đạo đã nhàm tởm sự sanh, già, bệnh, chết, khóc than, khốn khổ, sầu muộn, bi ai; tôi muốn đoạn trừ khỏi khổ đau to lớn này. Nay chư Hiền! Sau khi đã nhàm tởm ghê sợ, tôi quán sát, tại gia là đời sống hẹp hòi, là chốn trần lao bụi bặm. Xuất gia học đạo là đời sống rộng rãi bao la. Nay ta sống đời tại gia bị xiềng xích quăn chặt, không thể trọn đời tịnh tu phạm hạnh. Vậy ta hãy vứt bỏ các tài sản nhỏ và lớn, từ giã thân tộc ít hay nhiều rồi cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo. Nay chư Hiền! Sau đó, tôi vứt bỏ tài sản nhỏ và lớn, từ giã thân tộc ít hay nhiều, rồi cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo.

"Này chư Hiền! Sau khi tôi xuất gia học đạo, từ bỏ của cải họ hàng rồi, thọ lãnh cấm giới mà Tỳ-kheo phải tu tập, thủ hộ Tùng giải thoát, tôi lại cẩn thận thu nhiếp các oai nghi lễ tiết, thấy tội nhỏ nhiệm cũng thường ôm lòng lo sợ, nhớ kỹ điều cốt yếu đã học.

“Này chư Hiền, tôi từ bỏ sát sanh, xa lìa sát sanh, xả bỏ kiếm gậy, biết hổ, biết thẹn, nuôi lòng từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến loài côn trùng. Đối với tâm sát sanh, tôi đã tịnh trừ.

“Tôi từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho; chỉ lấy của đã cho, thích của đã cho, thường thích bố thí, vui vẻ không cầu mong sự đáp lại. Đối với tâm ưa lấy của không cho, tôi đã tịnh trừ

“Này chư Hiền, tôi từ bỏ sự phi phạm hạnh, tránh xa phi phạm hạnh, siêng năng tu phạm hạnh, tinh tấn với điều hạnh, thanh tịnh không ô uế, từ bỏ dục vọng, dứt trừ dâm dục. Đối với tâm phi phạm hạnh, tôi đã tịnh trừ.

“Này chư Hiền, tôi từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói điều chân thật, ưa điều chân thật, dựa trên sự chân thật không sai chạy. Tất cả lời nói của tôi đều đáng tin cậy, không lừa dối thế gian. Đối với tâm nói láo, tôi đã dứt trừ.

“Này chư Hiền, tôi từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, tu hạnh không nói hai lưỡi, không phá hoại người khác, không nghe lời người này đem nói với người kia để phá hoại người này, không nghe lời người kia đem nói với người này để phá hoại người kia; người ly gián tôi làm cho hòa hợp, người đã sống hòa hợp, tôi làm cho họ hoan hỷ, không chia phe đảng, không thích phe đảng, không khen ngợi phe đảng. Đối với tâm nói hai lưỡi, tôi đã tịnh trừ.

“Này chư Hiền, tôi từ bỏ lời nói thô ác, tránh xa lời nói thô ác, giọng điệu thô bỉ, lớn tiếng, nghịch tai, người nghe không ưa không mến, khiến họ khổ não không định tâm. Tôi đoạn trừ lời nói như vậy. Nếu có lời nói êm dịu, nhẹ nhàng, thuận tai, thông cảm đến tâm, làm cho người nghe vui vẻ, mến chuộng, sung sướng, tiếng nói rõ ràng, không làm cho người khác sợ, trái lại họ được định tâm, tôi nói lời nói như vậy. Đối với tâm nói lời độc ác, tôi đã tịnh trừ.

“Này chư Hiền, tôi từ bỏ lời nói thêu dệt, tránh xa lời nói thêu dệt, nói đúng lúc, nói chân thật, nói đúng pháp, nói đúng nghĩa, nói về tịch tĩnh, ưa nói về tịch tĩnh, hợp thời, hợp lý, khéo dạy, khéo la mắng. Đối với tâm nói thêu dệt, tôi đã tịnh trừ.

“Này chư Hiền, tôi từ bỏ buôn bán, tránh xa sự buôn bán, xả bỏ thói cân lường và đấu hộc, cũng không nhận hàng hóa, không

chèn ép người, không mong gian lận, không vì lợi nhỏ mà lẩn lút người. Đối với sự sinh hoạt buôn bán, tâm tôi đã tịnh trừ.

"Này chư Hiền, tôi từ bỏ không nhận đàn bà góa, con gái thơ, tránh xa việc nhận đàn bà góa, con gái thơ. Đối với việc nhận đàn bà góa, con gái thơ, tâm tôi đã tịnh trừ.

"Này chư Hiền, tôi từ bỏ không nhận nô tỳ, tránh xa việc nhận nô tỳ. Đối với việc nhận nô tỳ, tâm tôi đã tịnh trừ.

"Này chư Hiền, tôi từ bỏ không nhận voi, ngựa, bò, dê; tránh xa việc nhận voi, ngựa, bò, dê. Đối với việc nhận voi, ngựa, trâu, dê, tâm tôi đã tịnh trừ.

"Này chư Hiền, tôi từ bỏ không nhận gà, heo; tránh xa việc nhận gà, heo. Đối với việc nhận gà, heo, tâm tôi đã tịnh trừ.

"Này chư Hiền, tôi từ bỏ không nhận ruộng nương, hàng quán; tránh xa việc nhận ruộng nương, hàng quán. Đối với việc nhận ruộng nương, hàng quán, tâm tôi đã tịnh trừ.

"Này chư Hiền, tôi từ bỏ không nhận lúa giống, lúa mạch, đậu; tránh xa việc nhận lúa giống, lúa mạch, đậu. Đối với việc nhận lúa giống, lúa mạch, đậu, tâm tôi đã tịnh trừ.

"Này chư Hiền, tôi từ bỏ rượu, tránh xa rượu. Đối với việc uống rượu, tâm tôi đã tịnh trừ.

"Này chư Hiền, tôi từ bỏ không dùng giường cao, rộng lớn; tránh xa giường cao, rộng lớn. Đối với việc dùng giường cao, rộng lớn, tâm tôi đã tịnh trừ.

"Này chư Hiền, tôi từ bỏ không trang sức vòng hoa, chuỗi ngọc, hương liệu, dầu thơm; tránh xa không trang sức vòng hoa, ngọc ngà, hương thoa, phấn sáp. Đối với việc trang sức vòng hoa, chuỗi ngọc, hương thoa, phấn sáp, tâm tôi đã tịnh trừ.

"Này chư Hiền, tôi từ bỏ không ca múa, xướng hát và đi xem nghe; tránh xa sự ca múa, xướng hát và đi xem nghe. Đối với sự ca múa, xướng hát và đi xem nghe, tâm tôi đã tịnh trừ.

"Này chư Hiền, tôi từ bỏ không nhận vàng bạc, tránh xa việc nhận vàng bạc. Đối với việc nhận vàng bạc, tâm tôi đã tịnh trừ.

"Này chư Hiền, tôi từ bỏ sự ăn quá ngọ, tránh xa sự ăn quá ngọ, ăn đúng ngọ, không ăn ban đêm, không ăn phi thời, học ăn đúng thời. Đối với sự ăn quá ngọ, tâm tôi đã tịnh trừ.

“Này chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới này, thân lại tu hành sự tri túc, áo cốt để che thân, ăn cốt đủ để nuôi thân. Tôi đến chỗ nào mang theo y bát, không có luyến tiếc, ví như chim nhận cùng với hai cánh bay liệng trong không theo hai cánh, tôi cũng như vậy.

“Này chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới thân này và cực tri túc, rồi lại thủ hộ các căn, thường niệm sự khép kín, niệm tưởng muốn mình đạt, thủ hộ niệm tâm mà được thành tựu, hằng mướn khởi ý. Khi mắt thấy sắc, không chấp thủ sắc tướng, không đắm sắc vị; vì sự phần tránh mà thủ hộ căn con mắt, trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, vì thú hướng đến kia, nên thủ hộ căn con mắt. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, khi ý biết pháp không chấp thủ pháp tướng, không đắm pháp vị; vì sự phần tránh mà thủ hộ ý căn, trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, vì thú hướng đến kia, nên thủ hộ ý căn.

“Này chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới thân này và cực tri túc, Thánh thủ hộ các căn, lại biết rõ chân chánh sự ra vào, khéo quán sát phân biệt sự co, duỗi, cúi, ngược, nghỉ dung chứng chạc, khéo đắp Tăng-già-lê và mang các y bát; đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ, nghỉ, nói năng thảy đều biết rõ chân chánh.

“Này chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới thân này và cực tri túc, và cũng thành tựu Thánh thủ hộ các căn, chân chánh biết sự ra vào, rồi lại sống cô độc tại nơi xa vắng, ở trong rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, những nơi trống vắng yên tĩnh, sườn non, động đá, đất trống, lùm cây, hoặc đến trong rừng, hoặc giữa bãi tha ma. Tôi sau khi ở trong rừng vắng, hoặc đến gốc cây, những chỗ không nhàn yên tĩnh, trải ni-sư-đàn, ngồi xếp kiết già, chánh thân chánh nguyện, hướng niệm nội tâm, đoạn trừ tâm tham lam, không có não hại, thấy tài vật và các nhu dụng sinh sống của người khác mà không khởi tâm tham lam muốn khiến về mình. Tôi đối với tham lam, tâm được tịnh trừ. Cũng vậy, đối với sân nhuế, thù miên, trạo hối, đoạn trừ nghi hoặc, đối với các thiện pháp không còn do dự. Tôi đối với sự nghi hoặc, tâm đã tịnh trừ.

“Này chư Hiền, tôi đã đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác có

quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, cho đến, chứng đắc Tứ thiên, thành tựu an trụ.

“Này chư Hiền, tôi đã đắc định tâm như vậy, thanh tịnh không ô uế, không phiền nhiệt, nhu nhuyến, an trú vững vàng, được bất động tâm, hướng đến chứng ngộ Trí lậu tận thông. Này chư Hiền, tôi biết như thật rằng, ‘Đây là Khổ’, biết như thật: ‘Đây là Khổ tập’, biết như thật: ‘Đây là Khổ diệt’, và biết như thật: ‘Đây là Khổ diệt đạo’. Biết như thật, ‘Đây là lậu’, ‘Đây là lậu tập’, ‘Đây là lậu diệt’, và ‘Đây là lậu diệt đạo’. Biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu và vô minh lậu. Khi đã giải thoát liền biết mình đã giải thoát và biết một cách như thật rằng, ‘Sự sanh đã hết, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Này chư Hiền, tôi biết như vậy, thấy như vậy đối với bên trong thân cùng với thức này và tất cả các tướng bên ngoài, ngã, ngã tác và kết sử mạn, thảy đều được đoạn tri, nhổ tuyệt cội gốc của chúng, không còn tái sanh nữa’. Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và tự biết phạm hạnh đã vững ấy nên như pháp mà đáp như vậy. Các người sau khi nghe rồi, nên khen ngợi là đúng và hoan hỷ phụng hành.

“Sau khi khen ngợi là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, nên nói với vị Tỳ-kheo ấy như vậy, ‘Này Hiền giả, khi Hiền giả vừa nói, chúng tôi đã đẹp lòng, đã hoan hỷ, nhưng chúng tôi muốn theo Hiền giả để tăng tiến càng tăng tiến, mong cầu trí tuệ và ứng đối biện tài. Vì vậy chúng tôi hỏi Hiền giả, rồi lại hỏi nữa’.”

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

188. Kinh A Di Na

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trú tại Đông viên, giảng đường Lộc tử mẫu.

Bấy giờ, vào lúc xế chiều, Đức Thế Tôn từ tịnh tọa đứng dậy, bước xuống giảng đường, đi kinh hành trên khoảng đất trống, trong bóng mát của giảng đường và thuyết giảng rộng rãi về pháp thậm thâm vi diệu cho các Tỳ-kheo nghe.

Lúc ấy, đệ học A-di-na, đệ tử của Sa-môn Man-đâu, từ xa thấy Đức Thế Tôn từ tịnh tọa dậy, bước xuống giảng đường, đi kinh

hành trên khoảng đất trống, trong bóng mát của giăng đường và thuyết giảng rộng rãi về pháp thậm thâm vi diệu cho các Tỳ-kheo nghe; Di học A-di-na, đệ tử của Sa-môn Man-đâu đến chỗ Phật, chào hỏi và kính hành theo Phật.

“Đức Thế Tôn quay lại hỏi rằng:

“Di học A-di-na, Sa-môn Man-đâu có thật sự tư duy với năm trăm tư duy; nếu có di học, Sa-môn, Phạm chí nào là vị nhất thiết tri, nhất thiết kiến, tự cho là ‘Ta biết không sót cái gì’, nhưng nếu có lầm lẫn thì cũng phải tự nhận là lầm lẫn.”

Di học A-di-na, đệ tử của Sa-môn Man-đâu đáp rằng:

“Thưa Cù-đàm, Sa-môn Man-đâu thật sự tư duy với năm trăm tư duy; nếu có di học, Sa-môn, Phạm chí nào là vị nhất thiết tri, nhất thiết kiến, tự cho là ‘Ta biết không sót thứ gì’, nhưng nếu có lầm lẫn thì cũng phải tự nhận là lầm lẫn.”

Đức Thế Tôn lại hỏi rằng:

“A-di-na, thế nào là Sa-môn Man-đâu thật sự tư duy với năm trăm tư duy; nếu có di học, Sa-môn, Phạm chí nào là vị nhất thiết tri, nhất thiết kiến, tự cho là ‘Ta biết không sót cái gì’, nhưng nếu có lầm lẫn thì cũng phải tự nhận là lầm lẫn?”

Di học A-di-na, đệ tử của Sa-môn Man-đâu, đáp rằng:

“Thưa Cù-đàm! Sa-môn Man-đâu nói như vậy, ‘Nếu khi đi, khi đứng, khi nằm, khi ngồi, khi ngủ, khi thức, lúc tối hay ban ngày vẫn thường không chướng ngại tri kiến. Nhưng cũng có khi gặp voi chạy càn, ngựa phóng đại, xe ruổi nhanh, lính bại trận, con trai chạy trốn, con gái chạy trốn, hoặc đi trên con đường nào đó mà gặp voi dữ, ngựa dữ, bò dữ, chó dữ, hoặc gặp ổ rắn, hoặc bị ném đất, hoặc bị gậy đánh, hoặc lọt xuống rãnh, hoặc rơi vào hầm xí, hoặc đạp lên bò đang nằm, hoặc sa xuống hầm sâu, hoặc đâm vào bụi gai, hoặc thấy thôn ấp mà phải hỏi tên đường, hoặc gặp kẻ trai người gái phải hỏi họ hỏi tên, hoặc nhìn lầm nhà trống, hoặc vào dòng họ nào đó và khi vào rồi được hỏi rằng: ‘Ông ở đâu đến?’ Ta đáp rằng, ‘Này chư Hiền, tôi đi lộn đường’.”

“Thưa Cù-đàm! Sa-môn Man-đâu đại loại như vậy, tư duy với năm trăm tư duy, và nếu có di học Sa-môn, Phạm chí nào là bậc nhất thiết trí, nhất thiết kiến, tự cho rằng: ‘Ta biết không sót cái gì’, nhưng vị ấy cũng có những lầm lẫn như vậy.”

Rồi Đức Thế Tôn đi kinh hành đến mút đường, dừng lại, trái tọa cụ, ngồi kiết già, hỏi các Tỳ-kheo:

“Những sự kiện trí tuệ được Ta nói đến, các người thọ trì chẳng?”

Các Tỳ-kheo im lặng không đáp. Đức Thế Tôn hỏi như vậy đến ba lần:

“Những sự kiện trí tuệ được Ta nói đến, các người thọ trì chẳng?”

Các Tỳ-kheo cũng ba lần im lặng không đáp.

Lúc ấy có một Tỳ-kheo liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo, chấp tay hướng đến Phật bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, nay thật là đúng lúc! Bạch Thiện Thệ, nay thật là đúng lúc! Nếu Thế Tôn nói những sự kiện trí tuệ cho các Tỳ-kheo nghe thì các Tỳ-kheo sau khi nghe Thế Tôn nói sẽ khéo léo thọ trì.”

Thế Tôn nói:

“Này Tỳ-kheo, hãy nghe rõ và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ phân tích đây đủ cho các người.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Chúng con kính vâng lời, lắng nghe.”

Đức Phật lại bảo rằng:

“Có hai chúng, một là chúng pháp, hai là chúng phi pháp.

“Sao gọi là chúng phi pháp? Hoặc có người làm việc phi pháp, nói lời phi pháp và chúng ấy cũng làm việc phi pháp, nói lời phi pháp. Người phi pháp ấy đứng đầu trong chúng phi pháp, theo những điều chính mình đã biết, nhưng lại bằng những lời hư vọng, không chân thật mà hiển thị, phân biệt, quy định hành vi, lưu bố, tuần tự thuyết pháp, muốn đoạn trừ sự xấu xa trong tâm ý người khác, bị cật vấn thì không thể trả lời được. Đối với trong Chánh pháp luật không thể xướng lập những điều chính mình đã biết. Nhưng người phi pháp đứng đầu trong chúng phi pháp, tự cho là ‘Ta có trí tuệ, hiểu biết tất cả’. Ở nơi nào mà sự kiện trí tuệ được nói đến như vậy, ở đó được gọi là chúng phi pháp.

“Sao gọi là chúng pháp? Hoặc có người làm đúng pháp, nói như pháp và chúng ấy cũng làm đúng pháp, nói như pháp. Người

đúng pháp ấy đứng đầu trong chúng pháp, theo những điều chính mình đã biết, không bằng những lời hư vọng mà bằng sự chắc thật, hiển thị, phân biệt, quy định hành vi, lưu bố, tuần tự thuyết pháp, muốn đoạn trừ sự xấu xa trong tâm ý người khác, khi bị cật vấn thì có thể trả lời được, đối với Chánh pháp luật có thể xứng lập những điều chính mình đã biết, và người ấy đứng đầu trong chúng pháp, tự cho là ta có trí tuệ, hiểu biết tất cả'. Ở nơi nào mà sự kiện trí tuệ được nói đến như vậy, ở đó được gọi là chúng pháp.

"Cho nên, các người nên biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa. Sau khi đã chứng biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa rồi, các người nên học pháp như thật và nghĩa như thật."

Phật thuyết như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào tịnh thất tĩnh tọa.

Bấy giờ các Tỳ-kheo liền suy nghĩ: "Chư Hiền nên biết, Đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt ý nghĩa này, không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào tịnh thất tĩnh tọa; nói rằng, 'Cho nên các người nên biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa. Sau khi đã biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa rồi, các người nên học pháp như thật và nghĩa như thật'."

Họ lại nghĩ rằng: "Này chư Hiền, ai có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà Đức Thế Tôn đã thuyết vắn tắt?"

Họ lại nghĩ rằng: "Tôn giả A-nan là thị giả của Phật, hiểu biết ý Phật, thường được Thế Tôn và các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả A-nan có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà Đức Thế Tôn đã thuyết vắn tắt. Này chư Hiền, chúng ta cùng nhau đi đến chỗ Tôn giả A-nan để yêu cầu nói ý nghĩa bày. Nếu được Tôn giả A-nan phân biệt cho, chúng ta sẽ khéo léo thọ trì."

Rồi các Tỳ-kheo đi đến chỗ Tôn giả A-nan, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên, bạch rằng:

"Bạch Tôn giả A-nan, xin biết cho! Đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt ý nghĩa này, không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào tịnh thất tĩnh tọa, rằng 'Cho nên các người nên biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa. Sau khi đã biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa rồi, các người nên học pháp như thật và nghĩa như thật'.

“Chúng tôi lại nghĩ, ‘Này chư Hiền! Ai có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà Đức Thế Tôn đã thuyết văn tắt?’ Chúng tôi lại nghĩ rằng: ‘Tôn giả A-nan là thị giả của Phật, hiểu biết ý Phật, thường được Thế Tôn và các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả A-nan có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà Đức Thế Tôn đã thuyết văn tắt’. Cúi mong Tôn giả A-nan vì lòng từ mẫn mà phân biệt rộng rãi cho.”

Tôn giả A-nan bảo rằng:

“Này chư Hiền, hãy lắng nghe tôi nói ví dụ. Người có trí sau khi nghe ví dụ thì sẽ hiểu rõ ý nghĩa:

“Này chư Hiền, ví như có người muốn tìm lõi cây, vì muốn tìm lõi cây nên xách búa vào rừng. Người ấy thấy một gốc cây to, đã đầy đủ rễ, thân, đốt, cành, lá, hoa và lõi. Người ấy không đụng đến rễ, thân, đốt, lõi, mà chỉ đụng đến cành, lá. Những điều mà chư Hiền nói cũng giống như vậy. Đức Thế Tôn đang còn đó, sao chư Hiền lại bỏ đi mà tìm đến tôi để hỏi ý nghĩa này? Vì sao vậy?

Chư Hiền nên biết, Thế Tôn là Con Mắt, là Trí, là Nghĩa, là Pháp, là Pháp chủ, là Pháp tướng, là Bạc nói nghĩa Chân đế. Mọi cứu cánh được chỉ bày do bởi Thế Tôn ấy. Chư Hiền nên đến chỗ Đức Thế Tôn mà hỏi ý nghĩa này, ‘Bạch Thế Tôn, điều này là thế nào? Điều này có ý nghĩa gì?’ Đúng như những lời Thế Tôn nói, chư Hiền hãy khéo léo thọ trì.”

Lúc ấy các Tỳ-kheo bạch rằng:

“Bạch Tôn giả A-nan, vâng, Đức Thế Tôn là Con Mắt, là Trí, là Nghĩa, là Pháp, là Pháp chủ, là Pháp tướng, là bậc nói nghĩa Chân đế. Mọi cứu cánh được chỉ bày do bởi Thế Tôn ấy. Nhưng Tôn giả A-nan là thị giả của Phật, hiểu biết ý Phật, thường được Thế Tôn và các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Bạch Tôn giả A-nan, Tôn giả có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà Đức Thế Tôn đã thuyết một cách văn tắt. Cúi mong Tôn giả A-nan vì lòng từ mẫn mà phân biệt rộng rãi cho.”

Tôn giả A-nan nói với các Tỳ-kheo rằng:

“Này chư Hiền, vậy hãy cùng nghe tôi nói.

“Này chư Hiền, tà kiến là phi pháp, chánh kiến là pháp. Nếu điều nào nhân bởi tà kiến mà sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện, đó gọi là phi nghĩa. Nếu nhân bởi chánh kiến mà sanh ra vô lượng pháp thiện, đó gọi là nghĩa.

“Này chư Hiền, cho đến tà trí là phi pháp, chánh trí là pháp. Nếu nhân bởi tà trí mà sanh ra vô lượng pháp ác bất thiện, đó gọi là phi nghĩa. Nếu nhân bởi chánh trí mà sanh ra vô lượng pháp thiện, đó gọi là nghĩa.

“Này chư Hiền! Sự kiện Đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt ý nghĩa này, không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào tịnh thất tĩnh tọa, rằng ‘Cho nên các người nên biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa. Sau khi đã biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa rồi, các người nên học pháp như thật và nghĩa như thật’.

“Ý nghĩa mà Đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt chứ không phân biệt rộng rãi này, tôi bằng câu ấy, bằng văn ấy mà diễn rộng ra như vậy. Chư Hiền có thể đến trình bày đầy đủ lên Đức Phật. Nếu đúng như ý nghĩa mà Đức Thế Tôn nói thì chư Hiền hãy thọ trì.”

Bấy giờ các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Tôn giả A-nan nói, khéo léo thọ trì, đọc thuộc, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Tôn giả A-nan ba vòng rồi đi. Khi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ, ngồi xuống một bên, bạch rằng:

“Bạch Thế Tôn, vừa rồi Thế Tôn chỉ nói vắn tắt ý nghĩa này, không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào tịnh thất tĩnh tọa. Tôn giả A-nan đã bằng câu ấy, bằng văn ấy mà diễn rộng ra.

Đức Thế Tôn nghe xong, khen rằng:

“Lành thay! Lành thay! Trong hàng đệ tử của Ta có những vị có Mắt, có Trí, có Pháp, có Nghĩa. Vì sao vậy? Vì Tôn sư nói ý nghĩa này cho đệ tử một cách vắn tắt mà không phân biệt rộng rãi, đệ tử ấy bằng câu ấy, bằng văn ấy mà diễn rộng ra.

“Đúng như những gì A-nan nói, các người hãy như vậy mà thọ trì. Vì sao vậy? –Vì thuyết quán nghĩa phải như vậy.”

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

189. Kinh Thánh Đạo

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Câu-lâu-lâu, ở Kiêm Ma-sắt-đàm, đô ấp Câu-lâu.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng:

“Có một con đường khiến chúng sanh được thanh tịnh, xả bỏ ưu sầu, than khóc, dứt hết buồn khổ ảo não, chứng được như pháp. Đó là Thánh chánh định, có tập, có trợ và cũng có cụ, bao gồm bảy chi.

“Thế nào là Thánh chánh định nói tập, nói trợ và nói cụ gồm bảy chi? Đó là, chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm. Nếu do bảy chi này mà có tập, có trợ và có cụ, khéo hướng đến tâm chuyên nhất, đó gọi là Thánh chánh định có tập, có trợ và có cụ. Vì sao vậy? Chánh kiến sanh chánh chí, chánh chí sanh chánh ngữ, chánh ngữ sanh chánh nghiệp, chánh nghiệp sanh chánh mạng, chánh mạng sanh chánh phương tiện, chánh phương tiện sanh chánh niệm, chánh niệm sanh chánh định. Hiền thánh đệ tử tâm được chánh định như vậy lập tức dứt sạch dâm, nộ, si. Hiền thánh đệ tử chánh tâm giải thoát như thế, lập tức biết như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’.

“Trong các chi ấy, chánh kiến đứng ngay hàng đầu. Nếu thấy rõ tà kiến là tà kiến thì đó gọi là chánh kiến. Nếu thấy rõ chánh kiến là chánh kiến thì đó cũng gọi là chánh kiến.

“Thế nào là tà kiến?

“Đó là cho rằng không có bố thí, không có trai tự, không có chú thuyết, không có thiện, ác nghiệp, không có quả báo của thiện, ác nghiệp, không có đời này đời sau, không có cha, không có mẹ, không có bậc chân nhân ở trên đời đi đến thiện xứ, khéo ra khỏi cõi này, khéo hướng đến cõi kia, tự tri, tự giác, trong đời này hay đời sau mà tự tác chứng, thành tựu an trụ. Như vậy gọi là tà kiến.

“Thế nào gọi là chánh kiến?

“Đó là thấy rằng có bố thí, có trai tự, có chú thuyết, có thiện, ác nghiệp, có quả báo của thiện, ác nghiệp, có đời này đời sau, có cha có mẹ, có bậc chân nhân ở trên đời đi đến thiện xứ, khéo ra khỏi cõi này, khéo hướng đến cõi kia, trong đời này hay đời sau tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trụ. Như vậy gọi là chánh kiến.

“Đó gọi rằng thấy tà kiến là tà kiến thì đó là chánh kiến. Thấy chánh kiến là chánh kiến; đó cũng gọi là chánh kiến. Khi biết rõ như thế, liền phát tâm cầu học, muốn đoạn trừ tà kiến, thành tựu chánh kiến. Đó gọi là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm về sự đoạn trừ nơi tà kiến, thành tựu chánh kiến. Đó gọi là chánh niệm. Cả ba chi này đi theo kiến phương tiện, do phương tiện của kiến. Vì thế cho nên bảo chánh kiến là đứng ngay ở hàng đầu.

“Nếu thấy tà chí là tà chí, thì đó là chánh chí. Nếu thấy chánh chí là chánh chí thì đó cũng là chánh chí.

“Thế nào gọi là tà chí? Đó là niệm dục, niệm nhuế, niệm hại, được gọi là tà chí.

“Thế nào gọi là chánh chí? Đó là niệm vô dục, niệm vô nhuế, niệm vô hại, được gọi là chánh chí.

“Thấy rõ tà chí là tà chí, thì đó là chánh chí. Thấy rõ chánh chí là chánh chí, thì đó cũng là chánh chí. Biết như thế rồi, liền phát tâm cầu học, muốn đoạn trừ tà chí, thành tựu chánh chí. Đó gọi là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ nơi tà chí, thành tựu chánh chí. Đó gọi là chánh niệm.

“Tất cả ba chi này đi theo chánh chí, do phương tiện của kiến, vì thế nên bảo chánh kiến đứng hàng đầu.

“Nếu thấy rõ tà ngữ là tà ngữ, thì đó là chánh ngữ. Nếu thấy chánh ngữ là chánh ngữ, thì đó cũng chính là chánh ngữ.

“Sao gọi là tà ngữ? Nói dối, nói hai lưỡi, lời nói thô ác, lời nói thêu dệt, đó gọi là tà ngữ.

“Thế nào là chánh ngữ? Xa lìa sự nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, thêu dệt, đó gọi là chánh ngữ. Đó cũng gọi là thấy tà ngữ là tà ngữ, thì gọi là chánh ngữ. Thấy chánh ngữ là chánh ngữ, cũng gọi là chánh ngữ. Biết như vậy rồi liền phát tâm cầu học, muốn đoạn trừ tà ngữ, thành tựu chánh ngữ. Đó là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ nơi tà ngữ, thành tựu chánh ngữ, gọi là chánh niệm. Cả ba chi này đi theo chánh ngữ, do phương tiện của kiến, vì thế nên bảo chánh kiến đứng hàng đầu.

“Nếu thấy tà nghiệp là tà nghiệp, thì đó là chánh nghiệp. Nếu thấy chánh nghiệp là chánh nghiệp, thì đó cũng chính là chánh nghiệp.

“Thế nào gọi là tà nghiệp? Sát sanh, trộm cướp, tà dâm, gọi là tà nghiệp. Thế nào gọi là chánh nghiệp? Là sát sanh, trộm cướp, tà dâm, gọi là chánh nghiệp. Đó gọi rằng thấy tà nghiệp là tà nghiệp thì gọi là chánh nghiệp. Thấy chánh nghiệp là chánh nghiệp, cũng gọi là chánh nghiệp. Biết như thế rồi liền phát tâm cầu học, muốn đoạn trừ tà nghiệp, thành tựu chánh nghiệp, gọi là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ nơi tà nghiệp, thành tựu chánh nghiệp, gọi là chánh niệm. Cả ba chi này đi theo chánh nghiệp, do phương tiện của kiến, vì thế nên bảo chánh kiến đứng hàng đầu.

“Nếu thấy tà mạng là tà mạng, thì đó gọi là chánh mạng. Nếu thấy chánh mạng là chánh mạng, thì cũng gọi là chánh mạng.

“Thế nào là tà mạng? Nếu có sự mong cầu mà không măn ý; bằng nhiều loại chú thuật súc sanh, bằng tà mạng mà nuôi sống. Nó không như pháp mà tìm kiếm áo chăn, mà lại bằng phi pháp; không như pháp mưu cầu ẩm thực, giường chống, thuốc thang, các tư cụ sanh hoạt, mà bằng phi pháp. Đó là tà mạng. Thế nào là chánh mạng? Nếu không có sự mong cầu không măn ý; không dùng các thứ chú thuật, tà mạng để nuôi sống. Người ấy như pháp mà tìm kiếm áo chăn, thì đó là pháp vậy; như pháp mà mưu cầu ẩm thực, giường chống, thuốc thang, các tư cụ sanh hoạt, thì đó là pháp vậy. Đó gọi là chánh mạng. Đó là nói rằng, thấy tà mạng là tà mạng thì gọi là chánh mạng; thấy chánh mạng là chánh mạng, cũng gọi là chánh mạng. Kia biết như vậy rồi, bèn cầu học để đoạn trừ tà mạng, thành tựu chánh mạng; đó là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm nơi sự đoạn trừ tà mạng, thành tựu chánh mạng, đó gọi là chánh niệm. Ba chi này đi theo chánh mạng, do phương tiện của kiến, vì thế nên bảo chánh kiến đứng hàng đầu.

“Thế nào là chánh phương tiện? Tỳ-kheo để đoạn trừ ác pháp đã sanh mà phát khởi ý dục tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm trừ diệt; vì để ác pháp chưa sanh thì không sanh, nên phát khởi ý dục tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm mà trừ diệt; để pháp thiện chưa sanh thì sanh nên phát khởi ý dục tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm trừ diệt; để thiện pháp đã sanh tồn tại, không bị quên, không thối thất, càng lúc càng phát triển rộng rãi, tu tập biến măn đầy đủ, nên phát khởi ý dục tìm cầu phương tiện, tinh cần dốc tâm mà trừ diệt; đó gọi là chánh phương tiện.

“Thế nào là chánh niệm? Tỳ-kheo quán nội thân như thân; quán, cho đến, thọ, tâm, pháp như pháp; đó gọi là chánh niệm.

“Thế nào là chánh định? Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến, chứng đắc đệ Tứ thiên, thành tựu và an trụ; đó gọi là chánh định.

“Thế nào là chánh giải thoát? Tỳ-kheo, tâm giải thoát khỏi dục, tâm giải thoát khỏi nhuế, si; đó gọi là chánh giải thoát. Thế nào là chánh trí? Tỳ-kheo biết tâm giải thoát dục, tâm giải thoát nhuế, si; gọi là chánh trí.

“Đó là bậc hữu học thành tựu tám chi. Lậu tận A-la-hán thành tựu mười chi.

“Thế nào là hữu học thành tựu tám chi? Là học từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là hữu học thành tựu tám chi.

“Thế nào là lậu tận A-la-hán thành tựu mười chi? Đó là vô học chánh kiến cho đến vô học chánh trí. Đó là lậu tận A-la-hán thành tựu mười chi. Vì sao vậy? Vì chánh kiến là đoạn trừ tà kiến. Nếu nhân tà kiến sanh vô lượng ác pháp bất thiện, vị ấy phải đoạn trừ nó. Nếu nhân chánh kiến sanh ra vô lượng thiện pháp, vị ấy tu tập được sung mãn. Cho đến chánh trí đoạn trừ tà trí. Nếu nhân tà trí sanh vô lượng pháp ác bất thiện, vị ấy đoạn trừ nó. Nếu nhân chánh trí sanh vô lượng pháp thiện, vị ấy tu tập để được sung mãn.

“Đó là hai mươi phẩm thiện và hai mươi phẩm bất thiện. Tức là tuyên thuyết bốn mươi đại pháp phẩm được chuyển vận nơi Phạm luân mà không một ai có thể chế ngự mà bài xích, dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm, và các loại thế gian khác.

“Đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân ấy, không một ai có thể chặn đứng, dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên và Ma, Phạm, và các loại thế gian khác; mà nếu có Sa-môn, Phạm chí nào phi bác, người ấy đối với như pháp có mười trường hợp đáng bị chỉ trích.

“Những gì là mười? Hoặc chê bai chánh kiến, khen ngợi tà kiến. Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào có tà kiến, mà hoặc cúng dường vị ấy, hoặc tán thán vị ấy, thì đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chặn đứng, dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma,

Phạm và các loại thế gian khác ấy, mà nếu có Sa-môn, Phạm chí nào phi bác, vị ấy đối với như pháp đây là trường hợp thứ nhất đáng bị chỉ trích.

“Hoặc chê bai, cho đến chánh trí, khen ngợi tà trí. Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào có tà trí mà hoặc cúng dường vị ấy, hoặc tán thán vị ấy, thì đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chặn đứng, dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác ấy, mà nếu có Sa-môn, Phạm chí nào phi bác, vị ấy đối với như pháp đây trường hợp thứ mười đáng bị chỉ trích.

“Đó gọi là đối với như pháp có mười trường hợp đáng bị chỉ trích. Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết, được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chặn đứng, dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm, và các loại thế gian khác ấy, mà phi bác; thì người ấy đối với như pháp có mười điều bị chỉ trích.

“Lại có những Sa-môn, Phạm chí khác sống ngồi chồm hổm, thuyết giảng sự ngồi chồm hổm. Sống vô sở hữu, thuyết giảng vô sở hữu, thuyết vô nhân, thuyết vô tác, thuyết vô nghiệp; nghĩa là đối với thiện ác được tạo tác bởi người này hay người kia mà chủ trương đoạn tuyệt, phá hoại ở kia hay ở đây, những người ấy đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chặn đứng, dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác, những người ấy cũng có sự chỉ trích, lo lắng, sợ hãi.”

Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

190. Kinh Tiểu Không

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, tại Đông viên, Lộc tử mẫu giảng đường.

Bấy giờ Tôn giả A-nan vào lúc xế, từ thiên tọa đứng dậy, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, lui đứng sang một bên mà bạch rằng:

“Một thời Thế Tôn du hành giữa những người họ Thích, trong thành tên là Thích đô ấp. Con lúc ấy được nghe Thế Tôn nói nghĩa

như vậy, 'Này A-nan, Ta phần nhiều hành nơi không tánh'. Thế Tôn! Phải là con biết rõ, nhận rõ và nhớ kỹ không?"

Khi ấy Thế Tôn đáp rằng:

"Này A-nan, lời nói của Ta đó, ông thật sự biết rõ, nhận rõ và nhớ kỹ. Vì sao? Vì Ta tự bao giờ cho đến hôm nay phần nhiều hành nơi không tánh.

"Này A-nan, như giảng đường Lộc tử mẫu này trống không, không có voi, ngựa, bò, dê, tài vật, lúa thóc, nô tỳ; nhưng có cái không trống không. Đó là chỉ có chúng Tỳ-kheo. Cho nên, này A-nan, nếu trong đó không có gì cả thì chính do đó mà Ta thấy là trống không. Nếu trong này còn có cái khác thì Ta thấy là chân thật có. Này A-nan, đó là hành trong sự chân thật, không tánh, sự không điên đảo.

"Này A-nan, Tỳ-kheo nào nếu muốn hành nhiều trong không tánh, Tỳ-kheo ấy đừng tác ý đến ý tưởng về xóm làng, đừng tác ý đến ý tưởng về người, mà hằng tác ý đến ý tưởng về duy nhất tánh là ý tưởng về khu rừng. Vị ấy nhận biết như vậy, 'Trống không ý tưởng về xóm làng, trống không ý tưởng về người, nhưng có một cái không trống không, đó là duy nhất tánh do ý tưởng về khu rừng. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về xóm làng, thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về người, thì ở đây ta không có sự ấy. Ở đây chỉ có sự phiền nhọc là do duy nhất tánh ý tưởng về khu rừng'. Nếu trong đó không có gì cả thì, thì chính do đó mà vị ấy thấy đó là trống không. Nếu trong này còn có cái khác, thì vị ấy thấy là chân thật có. Này A-nan, đó là hành trong sự chân thật, không tánh, sự không điên đảo.

"Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo nếu muốn hành nhiều trong không tánh, Tỳ-kheo ấy đừng tác ý đến ý tưởng về người, đừng tác ý đến ý tưởng về khu rừng mà hằng tác ý đến duy nhất tánh là ý tưởng về đất. Tỳ-kheo ấy nếu thấy đất này có cao có thấp, có ổ rần, có bụi gai, có cát, có đá, núi chồm, sông sâu thì chớ có tác ý đến. Nếu thấy đất này bằng phẳng như lòng bàn tay, chỗ trông ra được rõ ràng, thì hãy thường tác ý đến.

"Này A-nan, ví như da bò, lấy một trăm cây đinh mà căng ra; sau khi căng rất thẳng, nó không nhăn, không rút lại. Nếu thấy chỗ đất này có cao có thấp, có ổ rần, có bụi gai, có cát, có đá, núi chồm, sông sâu thì đừng tác ý đến. Nếu thấy chỗ đất này bằng

phẳng như lòng bàn tay, chỗ trông ra được rõ ràng, thì hãy thường tác ý. Vị ấy biết như vậy, biết rằng, 'Trống không ý tưởng về người, trống không ý tưởng về khu rừng, nhưng có một cái không trống không, đó là duy nhất ý tưởng về đất. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về người, thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về khu rừng, thì ở đây ta không có sự ấy. Ở đây chỉ có sự phiền nhọc do duy nhất tánh là ý tưởng về đất'. Nếu trong đó không có gì cả, thì chính do đó mà vị ấy thấy là trống không. Nếu trong này còn có cái khác thì vị ấy thấy là chân thật có. Nay A-nan, đó là hành trong sự chân thật, không tánh, sự không điên đảo.

"Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo nếu muốn hành nhiều trong không tánh, Tỳ-kheo ấy đừng tác ý đến ý tưởng về khu rừng, đừng tác ý đến ý tưởng về đất, mà hằng tác ý đến duy nhất tánh là ý tưởng thuần nhất về vô lượng không xứ[8]. Vị ấy nhận biết như vậy, 'Trống không ý tưởng về khu rừng, trống không ý tưởng về đất, nhưng có cái không trống không, đó là duy nhất ý tưởng về vô lượng không xứ. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về khu rừng, thì ở đây ta không có sự đó. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về đất, thì ta không có sự đó. Ở đây chỉ có sự phiền nhọc do duy nhất tánh là ý tưởng về vô lượng không xứ'. Nếu trong đó không có gì cả, thì chính do đó mà vị ấy thấy là trống không. Nếu trong này còn có cái khác, thì vị ấy thấy là chân thật có. Nay A-nan, đó là hành trong sự chân thật, tánh không, không điên đảo.

"Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo muốn hành nhiều trong không tánh, Tỳ-kheo ấy đừng tác ý đến ý tưởng về khu rừng, đừng tác ý đến ý tưởng về đất, đừng tác ý về ý tưởng vô lượng không xứ, hãy hằng tác ý đến duy nhất tánh là ý tưởng về vô lượng thức xứ. Vị ấy nhận biết như vậy, 'Trống không ý tưởng về khu rừng, trống không ý tưởng về đất, trống không ý tưởng về vô lượng không xứ, nhưng có một cái không trống không, đó là duy nhất ý tưởng về vô lượng thức xứ. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về khu rừng, thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về đất, thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về vô lượng không xứ, thì ở đây ta không có sự ấy. Ở đây chỉ có sự phiền nhọc do duy nhất tánh là ý tưởng về vô lượng thức xứ.' Nếu trong đó không có gì cả, thì chính vì vậy mà vị ấy thấy là trống không. Nếu trong này còn có một cái khác, thì vị ấy

thấy là chân thật có. Nay A-nan, đó là hành trong sự chân thật, tánh không, không điên đảo.

“Lại nữa, nay A-nan, Tỳ-kheo nếu muốn hành nhiều trong không tánh, Tỳ-kheo ấy đừng tác ý đến ý tưởng về vô lượng không xứ, đừng tác ý đến ý tưởng về vô lượng thức xứ, mà hãy hằng tác ý đến duy nhất tánh là ý tưởng về vô sở hữu xứ. Vị ấy niệm biết như vậy, ‘Trống không vô lượng không xứ, trống không vô lượng thức xứ, nhưng có một cái không trống không. Đó là duy nhất ý tưởng về vô sở hữu xứ. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về vô lượng không xứ, thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về vô lượng thức xứ, thì ở đây ta không có sự ấy. Ở đây chỉ có sự phiền nhọc do duy nhất tánh là ý tưởng về vô sở hữu xứ’. Nếu trong đó không có gì cả, thì chính vì vậy mà vị ấy thấy là trống không. Nếu trong đó còn có cái khác, thì vị ấy thấy là chân thật có. Nay A-nan, đó là hành trong sự chân thật, tánh không, không điên đảo.

“Lại nữa, nay A-nan, Tỳ-kheo nếu muốn hành nhiều trong không tánh, Tỳ-kheo ấy đừng tác ý đến ý tưởng về vô lượng thức xứ, đừng tác ý đến ý tưởng về vô sở hữu xứ, mà hãy hằng tác ý đến duy nhất tánh là ý tưởng về vô tướng tâm định. Vị ấy nhận biết như vậy, ‘Trống không ý tưởng về vô lượng thức xứ, trống không ý tưởng về vô sở hữu xứ, nhưng có cái không trống không, đó là duy nhất tánh do vô tướng tâm định. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về vô lượng thức xứ, thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền nhọc do ý tưởng về vô sở hữu xứ, thì ở đây ta cũng không có sự ấy. Ở đây chỉ có sự phiền nhọc do duy nhất là về tướng tâm định’. Nếu trong đó không có gì cả, thì chính vì vậy mà vị ấy thấy là trống không. Nếu trong này còn có cái khác, thì vị ấy thấy là chân thật có. Nay A-nan, đó là hành trong sự chân thật, tánh không, không điên đảo.

“Vị ấy lại suy nghĩ như vậy, ‘Vô tướng tâm định mà ta đã có đây vốn là sở hành, vốn là sở tư. Nếu nó vốn là sở hành, vốn là sở tư thì ta không ái lạc nó, không mong cầu nó, không an trụ trên nó’.

“Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu và vô minh lậu. Giải thoát rồi, thì biết là mình đã giải thoát, biết như thật rằng ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Vị ấy

biết như vậy, 'Trống không là dục lậu, trống không là hữu lậu, trống không là vô minh lậu; nhưng có cái không trống không, đó là chỉ có thân này của ta với sáu xứ cho mạng tồn tại. Nếu có sự phiền nhọc do dục lậu, thì ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền nhọc do hữu lậu và vô minh lậu, ta cũng không có sự ấy. Ở đây chỉ có sự phiền nhọc do nơi thân này của ta và sáu xứ cho mạng tồn tại'. Nếu trong đó không có gì cả thì chính vì vậy mà vị ấy thấy là trống không. Nếu trong này còn có cái khác thì vị ấy thấy là chân thật có. Đây A-nan, đó là hành trong sự chân thật, tánh không, không điên đảo. Đó là lậu tận, vô lậu, vô vi, tâm giải thoát.

"Đây A-nan, trong quá khứ, nếu có các Đức Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, các vị ấy tất cả đều hành trong sự chân thật, tánh không, không điên đảo này; đó là lậu tận, vô lậu, vô vi, tâm giải thoát.

"Đây A-nan, trong vị lai, nếu có các Đức Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, các vị ấy tất cả đều hành trong sự chân thật, tánh không, không điên đảo này; đó là lậu tận, vô lậu, vô vi, tâm giải thoát.

"Đây A-nan, trong hiện tại, Ta là Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Ta cũng hành trong sự chân thật, tánh không, không điên đảo này; đó là lậu tận, vô lậu, vô vi, tâm giải thoát.

"Cho nên, này A-nan, hãy học như vậy."

Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

191. Kinh Đại Không

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa giữa những người họ Thích, ở trong thành Ca-duy-la-vệ, tại vườn Ni-câu-loại.

Bấy giờ Đức Thế Tôn sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đắp y cầm bát đi vào thành Ca-duy-la-vệ khất thực.

Sau khi ăn xong, sau buổi trưa, Ngài đi đến tinh xá Gia-la-sai-ma Thích. Lúc bấy giờ tại tinh xá Gia-la-sai-ma thích có sắp đặt rất nhiều giường chõng, có rất nhiều Tỳ-kheo trú nghỉ ở trong đó.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn từ trong tinh xá Gia-la-sai-ma Thích đi ra, đến Già-la Thích tinh xá. Bấy giờ, Tôn giả A-nan và rất nhiều Tỳ-kheo ở trong tinh xá Già-la Thích đang làm y. Tôn giả A-nan từ xa trông thấy Phật sắp đến, bèn ra nghinh tiếp, rước y bát của Phật, trở vào trái giường ngồi, múc nước rửa chân.

Phật rửa chân rồi, ngồi trên chỗ ngồi của Tôn giả A-nan đã trải sẵn trong tinh xá Già-la Thích và nói rằng:

“Này A-nan, trong tinh xá Gia-la-sai-ma Thích có sắp đặt rất nhiều giường chõng, có rất nhiều Tỳ-kheo trú nghỉ ở trong đó chăng?”

Tôn giả A-nan bạch:

“Quả như vậy, bạch Thế Tôn, trong tinh xá Gia-la-sai-ma Thích có sắp đặt rất nhiều giường chõng, có rất nhiều Tỳ-kheo đang trú nghỉ trong đó. Vì sao? Vì chúng con hôm nay đang làm y.”

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo A-nan rằng:

“Tỳ-kheo không nên ham muốn nói chuyện ồn ào, vui thích trong sự nói chuyện ồn ào, tụ tập để nói chuyện ồn ào, ham muốn đông người, vui thích với sự đông người, tụ tập đông người, không thích rời xa chỗ đông người, không thích sống cô độc ở nơi xa vắng.

“Tỳ-kheo nào ham muốn nói chuyện ồn ào, vui thích trong sự nói chuyện ồn ào, tụ tập để nói chuyện ồn ào, ham muốn đông người, vui thích với sự đông người, tụ tập đông người, không thích rời xa chỗ đông người, không thích sống cô độc ở nơi xa vắng; vị ấy nếu có hoan lạc nơi sự hoan lạc của bậc Thánh, hoan lạc vô dục, hoan lạc viễn ly, hoan lạc tịch tịnh, hoan lạc chánh giác, hoan lạc không tài sản, hoan lạc phi sanh tử, đối với những hoan lạc ấy mà được dễ dàng không khó, trường hợp này không thể xảy ra.

“Này A-nan, Tỳ-kheo nào không ham muốn nói chuyện ồn ào, không hoan lạc trong sự nói chuyện ồn ào, không tụ tập để nói chuyện ồn ào, không ham muốn đông người, không hoan lạc với sự đông người, không tụ tập đông người, muốn rời xa chỗ đông người, thường hoan lạc trong sự sống cô độc nơi xa vắng; vị ấy nếu có sự hoan lạc của bậc Thánh, hoan lạc vô dục, hoan lạc viễn ly, hoan lạc tịch tịnh, hoan lạc chánh giác, hoan lạc không tài sản,

hoan lạc phi sanh tử, đối với những hoan lạc này mà được dễ dàng không khó, trường hợp này tất có thể xảy ra.

“Này A-nan, Tỳ-kheo không nên ham muốn nói chuyện ồn ào, hoan lạc trong sự nói chuyện ồn ào, tụ tập để nói chuyện ồn ào, ham muốn đông người, hoan lạc với sự đông người, tụ tập đông người, không thích rời xa chỗ đông người, không thích sống cô độc ở nơi xa vắng.

“Tỳ-kheo nào ham muốn nói chuyện ồn ào, hoan lạc trong sự nói chuyện ồn ào, tụ tập để nói chuyện ồn ào, ham muốn đông người, hoan lạc với sự đông người, tụ tập đông người, không thích rời xa chỗ đông người, không thích sống cô độc ở nơi xa vắng. Nếu vị ấy chứng đắc thời ái tâm giải thoát và bất thời bất di động tâm giải thoát, trường hợp này hoàn toàn không xảy ra.

“Này A-nan, Tỳ-kheo nào không ham nói chuyện ồn ào, không hoan lạc trong sự nói chuyện ồn ào, không tụ tập để nói chuyện ồn ào, không ham muốn đông người, không hoan lạc với sự đông người, không tụ tập đông người, muốn rời xa chỗ đông người, thường hoan lạc trong sự sống cô độc nơi xa vắng; vị ấy chứng đắc thời ái tâm giải thoát và bất thời bất di động tâm giải thoát, trường hợp này tất có xảy ra.

“Vì sao vậy? Này A-nan, Ta không thấy có một sắc nào khiến Ta ham muốn hoan lạc. Sắc ấy bại hoại, biến dịch, và khi nó đổi khác thì sanh ra sầu bi, khốc lóc, ưu khổ, ảo não. Vì vậy, Ta an trụ nơi một trú xứ khác mà thành tựu Chánh đẳng Chánh giác. Đó là vượt qua tất cả sắc tưởng, an trụ nơi ngoại không.

“Này A-nan, Ta an trụ nơi trú xứ này rồi, phát sanh sự hoan duyệt. Sự hoan duyệt này Ta cảm thọ trong toàn thân với chánh niệm chánh trí, rồi phát sanh hỷ, phát sanh khinh an, phát sanh lạc, phát sanh định. Định này Ta cảm thọ toàn thân với chánh niệm chánh trí.

“Này A-nan, nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc hay Ưu-bà-di nào tìm đến Ta, Ta bèn vì họ mà an trụ trong tâm như vậy như vậy, viễn ly, an lạc, vô dục. Ta cũng vì họ mà thuyết pháp, khuyến khích, hỗ trợ họ.

“Này A-nan, Tỳ-kheo nào muốn hằng an trụ trong không tánh, Tỳ-kheo ấy sẽ giữ vững nội tâm an trụ, tĩnh chỉ, khiến cho chuyên

nhất và định. Vị ấy sau khi giữ vững nội tâm an trụ, tĩnh chỉ, khiến cho chuyên nhất và định rồi, hãy suy niệm về nội không.

“Này A-nan, nếu Tỳ-kheo nói như vậy: “Tôi không giữ vững nội tâm an trụ, tĩnh chỉ, không khiến cho chuyên nhất và định”, thì này A-nan, nên biết vị ấy tự làm cho mình rất phiền nhọc.

“Này A-nan, Thế nào là Tỳ-kheo giữ vững nội tâm an trụ, tĩnh chỉ, khiến cho chuyên nhất và định? Tỳ-kheo đối với thân này có hỷ lạc do ly dục phát sanh, thấm ướt khắp tất cả, thấm ướt nhuần một cách phổ biến sung mãn; hỷ lạc do ly dục sanh không chỗ nào không biến mãn. Này A-nan, cũng như một người tắm gội, đựng đầy bột tắm trong nhà rồi đổ nước vào khuấy rất đều cho nổi bọt lên, thấm ướt thấm nhuần khắp tất cả, phổ biến sung mãn, trong ngoài kín đáo không có chỗ nào rỉ ra. Cũng vậy, này A-nan, Tỳ-kheo nơi thân này có hỷ lạc do ly dục phát sanh, thấm ướt khắp tất cả, thấm ướt nhuần một cách phổ biến sung mãn. Hỷ lạc do ly dục sanh không chỗ nào không biến mãn.

“Này A-nan, như vậy, Tỳ-kheo giữ vững nội tâm an trụ, tĩnh chỉ, khiến cho chuyên nhất và định rồi, hãy tác ý về nội không. Vị ấy sau khi tác ý về nội không rồi, mà tâm bèn di động, không hướng đến gần, không được trong vắt, không an trụ, không giải thoát đối với nội không, Tỳ-kheo ấy hãy tác ý về ngoại không. Vị ấy sau khi tác ý về ngoại không rồi, tâm bèn di động, không hướng đến gần, không được trong vắt, không an trụ, không giải thoát đối với ngoại không.

“Này A-nan, nếu Tỳ-kheo trong lúc quán, biết rằng mình đang tác ý về ngoại không mà tâm di động, không hướng đến gần, không an trụ, không giải thoát đối với ngoại không, Tỳ-kheo ấy hãy tác ý về nội ngoại không. Vị ấy sau khi suy niệm về nội ngoại không rồi mà tâm bèn di động, không hướng đến gần, không trong vắt, không an trụ, không giải thoát đối với nội ngoại không. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo trong lúc quán mà biết rằng mình đang suy niệm về nội ngoại không mà tâm di động, không hướng đến gần, không được trong vắt, không an trụ, không giải thoát đối với nội ngoại không, Tỳ-kheo ấy hãy tác ý về sự không di động.

“Vị ấy sau khi suy niệm về sự không di động mà tâm di động, không hướng đến gần, không được trong vắt, không an trụ, không giải thoát đối với sự bất di động. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo nào trong lúc quán sát biết được rằng mình đang suy niệm về sự

không di động mà tâm di động, không hướng đến gần, không được trong vắt, không an trụ, không giải thoát đối với sự bất di động, Tỳ-kheo ấy có tâm như thế này hay thế khác, bằng định như thế này hay thế khác mà điều phục, liên tục điều phục, tu tập, liên tục tu tập, làm nhu nhuễn rồi lại nhu nhuễn, rất hân hoan trong sự nhu hòa, rất tịnh lạc trong sự viển ly.

“Nếu vị ấy có tâm như thế này hay thế khác bằng định như thế này hay thế khác mà điều phục rồi lại điều phục, tu tập rồi lại tu tập, nhu nhuễn rồi lại nhu nhuễn, rất hân hoan trong sự nhu hòa, rất tịnh lạc trong sự viển ly rồi, hãy bằng nội không mà thành tựu an trụ.

“Vị ấy sau khi nội không thành tựu an trụ, tâm không di động, hướng đến gần, được trong vắt, an trụ, giải thoát đối với nội không. Nay A-nan, Tỳ-kheo trong lúc quán thì biết nội không thành tựu an trụ, tâm không di động, hướng đến gần, được trong vắt, an trụ, giải thoát đối với nội không, đó là chánh tri.

“Này A-nan, Tỳ-kheo hãy bằng ngoại không thành tựu an trụ. Vị ấy sau khi ngoại không thành tựu an trụ, tâm không di động, hướng đến gần, được trong vắt, an trụ, giải thoát đối với ngoại không. Nay A-nan, như vậy Tỳ-kheo trong lúc quán thì biết ngoại không thành tựu an trụ, tâm không di động, hướng đến gần, được trong vắt, an trụ, giải thoát đối với ngoại không. Đó gọi là chánh tri.

“Này A-nan, Tỳ-kheo hãy bằng nội ngoại không thành tựu an trụ. Vị ấy sau khi nội ngoại không thành tựu an trụ, tâm không di động, hướng đến gần, được trong vắt, an trụ, giải thoát đối với nội ngoại không. Nay A-nan, như vậy Tỳ-kheo trong lúc quán thì biết nội ngoại không thành tựu an trụ, tâm không di động, hướng đến gần, được trong vắt, an trụ, giải thoát đối với nội ngoại không. Đó gọi là chánh tri.

“Này A-nan, hãy bằng bất di động thành tựu an trụ. Vị ấy sau khi bất di động thành tựu an trụ, tâm không di động, hướng đến gần, được trong vắt, an trụ, giải thoát đối với bất di động. Nay A-nan, như vậy Tỳ-kheo trong lúc quán thì biết bất di động thành tựu an trụ, tâm không di động, hướng đến gần, được trong vắt, an trụ, giải thoát đối với bất di động. Đó gọi là chánh tri.

“Này A-nan, vị Tỳ-kheo ấy với tâm an trụ trên trụ xứ này, nếu muốn kinh hành, Tỳ-kheo ấy từ thiền thất đi ra, đi kinh hành trên

khoảng đất trống, trong bóng mát của thiên thất, các căn hướng vào trong tâm, không hướng ra ngoài, lấy phía sau tác ý làm phía trước. Kinh hành như vậy rồi, trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp. Đó gọi là chánh tri.

“Này A-nan, Tỳ-kheo với tâm an trụ trên trụ xứ này, nếu muốn tọa định, Tỳ-kheo ấy rời khỏi chỗ kinh hành, đến cuối con đường kinh hành, trải ni-sư-đàn, ngồi kiết già. Sau khi ngồi như vậy vững vàng rồi, trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp. Đó gọi là chánh tri.

“Này A-nan, Tỳ-kheo với tâm an trụ trong trụ xứ này, nếu muốn có suy niệm, thì Tỳ-kheo ấy đối với ba sự suy niệm về ác bất thiện này là niệm dục, niệm nhuế và niệm hại, đừng suy niệm đến ba suy niệm ác bất thiện ấy. Đối với ba suy niệm thiện là: niệm vô dục, niệm vô nhuế, niệm vô hại, hãy suy niệm trên ba suy niệm thiện ấy. Sau khi suy niệm như vậy rồi, trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp, đó gọi là chánh tri.

“Này A-nan, Tỳ-kheo ấy đối với những luận bàn không phải là Thánh luận, không tương ưng nghĩa, tức là luận bàn về những vấn đề vua chúa, vấn đề đạo tặc, vấn đề đấu tranh, vấn đề ẩm thực, vấn đề đàn bà, vấn đề đông nữ, vấn đề dâm nữ, vấn đề thế gian, vấn đề tà đạo, vấn đề trong biển. Vị ấy không bàn luận các loại súc sanh luận như vậy. Nếu có những vấn đề thuộc Thánh luận, tương ưng nghĩa, khiến tâm nhu hòa, không có những sự che đậy, tức là vấn đề thí, vấn đề giới, vấn đề định, vấn đề giải thoát, vấn đề giải thoát tri kiến, vấn đề tiệm giảm, vấn đề không tụ hội, vấn đề thiếu dục, vấn đề tri túc, vấn đề vô dục, vấn đề đoạn, vấn đề diệt, vấn đề tĩnh tọa, vấn đề duyên khởi. Sau khi luận bàn những vấn đề mà Sa-môn luận bàn như vậy rồi, trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp. Đó gọi là chánh tri.

“Lại nữa, này A-nan, có năm công đức của dục, khả lạc, khả ý, khả niệm, sắc ái lạc tương ưng với dục; đó là, sắc được biết bởi mắt, tiếng được biết bởi tai, hương được biết bởi mũi, vị được biết bởi lưỡi, xúc được biết bởi thân. Tỳ-kheo với tâm chuyên chú mà quán năm diệu dục này, tùy theo diệu dục ấy mà có hành ấy trong tâm. Vì sao vậy? Không trước, không sau, năm dục công đức này tùy theo dục công đức nào mà có hành ấy trong tâm.

“Này A-nan, Tỳ-kheo trong lúc quán thì biết năm công đức của dục này, tùy theo công đức dục nào mà có hành ấy trong tâm. Tỳ-kheo ấy với công đức dục này hay công đức dục kia quán là vô thường, quán suy hao, quán vô dục, quán đoạn, quán diệt, quán đoạn xả ly. Nếu năm công đức dục này có dục, bị nhiễm dục, chúng tức thì bị tiêu diệt. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo khi quán như vậy thì biết năm công đức dục này có dục và bị nhiễm dục, chúng đã bị đoạn trừ rồi. Đó gọi là chánh tri.

“Lại nữa, này A-nan, có năm thủ uẩn, sắc thủ uẩn, thọ, tưởng, hành, thức thủ uẩn. Tỳ-kheo như vậy mà quán sự hưng suy, quán sát rằng, đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc. Đây là thọ, tưởng, hành và thức. Đây là sự tập khởi của thức, đây là sự diệt tận của thức. Nếu năm thủ uẩn này có ngã mạn, nó liền bị tiêu diệt. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo khi quán như vậy thì biết trong năm thủ uẩn, ngã mạn đã bị diệt rồi. Đó gọi là chánh tri.

“Này A-nan! Pháp này tuyệt đối khả ý, tuyệt đối khả lạc, tuyệt đối ý niệm, vô lậu, không chấp thủ, ma không đến gần được, ác không thể đến gần được. Các pháp ác bất thiện ô uế làm gốc rễ cho sự hữu trong tương lai là phiền nhiệt, khổ báo, là nhân của sanh, già, bệnh, chết cũng không thể đến gần được; tức là thành tựu sự không phóng dật này. Vì sao vậy? Nhân không phóng dật mà Như Lai, Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác chứng đắc giác ngộ, nhân gốc rễ không phóng dật mà phát sanh vô lượng thiện pháp, cho đến các trợ đạo phẩm.

“Cho nên, này A-nan, người phải học như vậy, ‘Ta cũng thành tựu nơi sự không phóng dật’. Hãy học như vậy.

“Này A-nan, do nghĩa lợi nào mà một tín đồ đệ tử đi theo Thế Tôn mà hành phụng sự cho đến trọn đời?”

Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn rằng:

“Thế Tôn là pháp bổn, Thế Tôn là pháp chủ, pháp do Thế Tôn. Cúi mong Thế Tôn thuyết giảng điều đó. Con nay sau khi nghe xong sẽ được biết rộng ý nghĩa ấy.”

Đức Phật bèn nói:

“Này A-nan, hãy lắng nghe. Hãy khéo tư niệm. Ta sẽ phân biệt đây đủ cho thầy nghe.”

Tôn giả A-nan vâng lời, lắng nghe.

Đức Phật nói:

“Này A-nan, không phải chỉ vì chánh kinh, ca vịnh, ký thuyết mà một tín đệ tử đi theo Thế Tôn để hành phụng sự cho đến trọn đời. Này A-nan, hoặc từ lâu vị ấy đã từng nghe pháp này, tụng tập đến cả ngàn, chuyên ý tư duy quán sát, thấy rõ, thấu triệt sâu xa. Nếu vấn đề này là Thánh luận tương ứng với cứu cánh, khiến tâm nhu hòa, không có những che lấp, tức các vấn đề bổ thí, vấn đề giới, vấn đề định, vấn đề tuệ, vấn đề giải thoát, vấn đề giải thoát tri kiến, vấn đề tiệm giảm, vấn đề không tụ hội, vấn đề thiếu dục, vấn đề tri túc, vấn đề vô dục, vấn đề đoạn, vấn đề diệt, vấn đề tĩnh tọa, vấn đề duyên khởi. Những vấn đề mà Samôn luận bàn như vậy, được dễ dàng chứ không khó. Do ý nghĩa này mà một tín đệ tử đi theo Thế Tôn để hành phụng sự cho đến trọn đời. Này A-nan, như vậy là phiên lụy cho Tôn sư, phiên lụy cho đệ tử, phiên lụy cho các vị đồng phạm hạnh.

“Này A-nan, thế nào là phiên lụy cho Tôn sư?

“Ở đây, một vị Tôn sư xuất thế, có sách lược tư duy, bằng tâm trạng sách lược mà quán sát các loại phạm nhân. Có biện tài, vị ấy đi đến nơi rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bật không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa, hoặc sống tại nơi đó mà học sự viễn ly, tinh cần, được tăng thượng tâm, sống an lạc ngay trong đời hiện tại.

“Vị ấy sau khi học sự viễn ly, tinh cần, sống an ổn khoái lạc, rồi theo các đệ tử trở về với các Phạm chí, Cư sĩ, phong ấp, quốc nhân. Vị ấy sau khi theo đệ tử trở về, với các Phạm chí, Cư sĩ, phong ấp, quốc nhân, bèn tự cao mà trở về nhà. Như vậy là phiên lụy cho Tôn sư và cũng bị phiên lụy bởi các pháp ác bất thiện, ô uế, là gốc rễ cho sự hữu trong tương lai, phiền nhiệt, khổ báo, nhân của sanh-già-bệnh-chết; đó là phiên lụy cho Tôn sư.

“Này A-nan, thế nào là sự phiên lụy cho đệ tử? Đệ tử của vị Tôn sư ấy học sự viễn ly của vị ấy, vị ấy sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, trên sườn non, vắng bật không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa, hoặc sống tại nơi đó mà học sự viễn ly, tinh cần, được tăng thượng tâm, sống an lạc ngay trong đời hiện tại này. Vị ấy sau khi học sự viễn ly, tinh cần, sống an ổn khoái lạc rồi, bèn theo đệ tử trở về với các Phạm chí, Cư sĩ, phong ấp, quốc

nhân. Vị ấy sau khi theo đệ tử về với các Phạm chí, Cư sĩ, phong ấp, quốc nhân rồi, bèn tự cao mà trở về nhà. Như vậy là làm phiền lụy cho đệ tử, và cũng bị phiền lụy bởi các pháp ác, bất thiện, gốc rễ của sự hữu trong tương lai, phiền nhiệt, khổ báo, nhân của sanh-già-bệnh-chết. Đó là phiền lụy cho đệ tử.

“Này A-nan, thế nào là phiền lụy cho các vị phạm hạnh? Ở đây Đức Như Lai xuất thế, Ngài là Bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Ngài sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, trên sườn cao, vắng bật không chút động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa.

“Này A-nan, Đức Như Lai vì nghĩa lợi nào mà sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bật không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa?”

“Tôn giả A-nan bạch Đức Thế Tôn rằng:

“Thế Tôn là Pháp bổn, Thế Tôn là Pháp chủ, Pháp do Thế Tôn. Cúi mong Thế Tôn thuyết giảng điều ấy, con nay sau khi nghe xong được biết rộng nghĩa ấy.”

Đức Phật bèn nói:

“Này A-nan, hãy lắng nghe, hãy khéo tư niệm. Ta sẽ phân biệt đây đủ cho thầy nghe.”

Tôn giả A-nan vâng lời lắng nghe.

Đức Phật nói:

“Này A-nan, như Lai không phải vì để được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ mà sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bật không tiếng động, xa lánh, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa. Này A-nan, vì hai ý nghĩa mà Như Lai sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bật không tiếng động, xa lánh, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa. Một là sống an lạc ngay trong hiện tại cho chính mình. Hai là từ miễn đối với những người đời sau.

“Hoặc giả, đời sau người người noi bóng Như Lai mà sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bật không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa. Nay A-nan, chính vì nghĩa lợi này mà Như Lai sống trong rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bật không tiếng động, xa lánh, không có giận dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Hoặc sống ở nơi đó mà học sự viễn ly, tinh cần, được tăng thượng tâm, sống an lạc ngay trong đời hiện tại.

“Như Lai sau khi học sự viễn ly, tinh cần, sống an ổn khoái lạc rồi, theo các vị Phạm hạnh mà trở về với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Như Lai sau khi theo các vị phạm hạnh trở về với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di rồi, không tự cao mà trở về nhà.

“Nay A-nan, nếu vị ấy chứng ngộ bất động tâm giải thoát, thì Ta không nói vị ấy có sự chướng ngại. Nhưng nếu vị ấy chứng đắc Bốn tăng thượng tâm, sống an lạc trong đời hiện tại, vốn do trước kia sống tinh cần, không phóng dật, thì ở đây, hoặc giả có thể bị thối thất vì sự tụ hội đông đảo nhiều đệ tử.

“Lại nữa, nay A-nan, đệ tử của Tôn sư ấy noi theo Tôn sư mà sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bật không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Hoặc sống tại nơi đó mà học sự viễn ly, tinh cần, được tăng thượng tâm, sống an lạc ngay trong đời hiện tại. Vị ấy sau khi học sự viễn ly, tinh cần, sống an ổn khoái lạc rồi theo các vị phạm hạnh mà trở về với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Vị ấy sau khi theo các vị phạm hạnh trở về với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di rồi bèn tự cao mà trở về nhà. Như vậy là phiền lụy cho các vị phạm hạnh và cũng bị phiền lụy bởi các pháp ác bất thiện, gốc rễ của sự hữu trong tương lai, phiền nhiệt, khổ báo, nhân của sanh-già-bệnh-chết. Đó gọi là phiền lụy cho các phạm hạnh.

“Nay A-nan, trong sự phiền lụy Tôn sư và đệ tử, sự phiền lụy cho các phạm hạnh rất là bất khả, không khả lạc, không khả ái, rất là không khả ý, khả niệm. Cho nên, nay A-nan, các người hãy hành sự từ hòa đối với Ta, đừng gây sự oán hận.

“Nay A-nan, thế nào là đệ tử đối với Tôn sư mà gây sự oán hận, không hành sự từ hòa?

“Nếu Tôn sư thuyết pháp cho đệ tử, là vì thương yêu, lo lắng, mong cầu thiện lợi và phước lành, mong cầu sự an ổn khoái lạc cho đệ tử mà phát khởi từ bi tâm, nói rằng, ‘Đây là điều hữu ích. Đây là sự an lạc. Đây là sự hữu ích an lạc’. Nếu đệ tử ấy mà không cung kính, cũng không tùy thuận theo, không an trụ nơi chánh trí, tâm không hướng đến pháp tùy, pháp hành, không thọ lãnh chánh pháp, trái phạm những điều Tôn sư dạy, không được định, đệ tử như vậy là đối với Tôn sư mà gây sự oán hận, không hành sự từ hòa.

“Nếu Tôn sư thuyết pháp cho đệ tử, thương yêu, lo lắng, mong cầu thiện lợi và an lành, mong cầu sự an ổn khoái lạc cho đệ tử phát khởi từ bi tâm mà nói rằng, ‘Đây là điều hữu ích. Đây là sự an lạc. Đây là sự hữu ích an lạc’. Nếu đệ tử thuận hành theo, an lập nơi chánh trí, tâm quy hướng đến pháp tùy, pháp hành, thọ lãnh Chánh pháp, không trái phạm lời giáo huấn của Tôn sư, có thể được định. Vì đệ tử như thế là đối với Tôn sư mà hành sự từ hòa, không gây sự oán hận.

“Cho nên này A-nan, các người đối với Ta hãy hành sự từ hòa, không gây sự oán hận. Vì sao vậy? Này A-nan, Ta không nói như vậy ‘Như người thợ gốm làm ngói.’ Nhưng, này A-nan, Ta nói: ‘Nghiêm khắc, khắc khổ.’ Nghiêm cấp chí khổ. Cái gì chắc thật, cái ấy đứng vững.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.